- Vốn đầu tư XDCB tập trung qua ngân sách tỉnh, huyện, xã 338.800 triệu đồng, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh: 191.200 triệu đồng; ngân sách cấp huyện, xã: 147.600 triệu đồng và hỗ trợ doanh nghiệp 2.870 triệu đồng.

- Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương 509.800 triệu đồng;

- Vốn các chương trình mục tiêu 277.521 triệu đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 112.280 triệu đồng.

2. Về nguyên tắc, bố trí vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước:

Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009 phải bám sát những định hướng, chủ trương, giải pháp lớn của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh uỷ về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2009; đồng thời, việc bố trí các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước phải đúng quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý đầu tư, xây dựng. Theo đó, nguồn vốn tỉnh chủ động điều hành bố trí theo hướng:

a) Đối với vốn đầu tư XDCB tập trung:

- Ưu tiên bố trí: Đối ứng các dự án ODA và các dự án của bộ, ngành theo cam kết; các dự án lớn về nông nghiệp, giao thông, văn hoá, giáo dục, y tế theo chủ trương của tỉnh, định hướng của bộ ngành Trung ương và hỗ trợ các dự án trọng điểm của tỉnh; bố trí trả nợ các khoản vay đến hạn; bố trí trả nợ khối lượng XDCB hoàn thành và các công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành các hạng mục chính trong năm 2009; giành phần vốn để bố trí cho công tác quy hoạch, chuẩn bị đầu tư.

Tiếp tục đình hoãn hoặc giãn tiến độ các công trình, dự án theo Quyết 390/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Riêng đối với các dự án cần thiết, chỉ bố trí một phần vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư, lập dự án và khởi động dự án.

b) Đối với vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: Thực hiện theo các mục tiêu, mức vốn được giao, đảm bảo cơ cấu danh mục, mức vốn theo định hướng của các Bộ, ngành Trung ương và đảm bảo nguyên tắc bố trí vốn theo hướng tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm, tránh dàn trải.

c) Đối với vốn chương trình mục tiêu: Bố trí theo đúng mục tiêu, mức vốn được giao, định hướng của các Bộ, ngành Trung ương và đảm bảo nguyên tắc bố trí vốn tập trung, ưu tiên bố trí thanh toán khối lượng XDCB hoàn thành, các công trình có khả năng hoàn thành dứt điểm trong năm. Chỉ bố trí khởi công mới những công trình, dự án theo định hướng của các bộ, ngành chủ quản chương trình; những công trình cấp thiết, cơ sở đề nghị và có khả năng hoàn thành trong năm.

Cân đối một phần vốn từ ngân sách tỉnh để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh và huy động được các nguồn vốn ủng hộ, đóng góp các tổ chức kinh tế-xã hội của nhân dân để thực hiện mục tiêu về văn hoá- xã hội, đảm bảo nguyễn tắc vốn của chương trình mang tính hỗ trợ, huy động các nguồn vốn khác là chủ yếu.

d) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất (ngân sách tỉnh): ưu tiên hỗ trợ các dự án trọng điểm, xử lý ô nhiễm môi trường và đối ứng vốn trái phiếu Chính phủ dự án kiên cố học trường, lớp học và nhà ở công vụ giáo viên.

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất (ngân sách huyện, xã): Việc bố trí vốn phải đảm bảo theo định hướng cơ cấu của tỉnh, trong đó: ưu tiên bố trí thanh toán cho các công trình, dự án do huyện làm chủ đầu tư; bố trí vốn đối ứng các dự án ODA và bố trí đủ nguồn cho giáo dục, đào tạo.

3. Phương án bố trí:

a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: Tổng số 191.200 triệu đồng được phân bổ, như sau:

- Hỗ trợ các dự án trọng điểm, các dự án xử lý ô nhiêm môi trường và đối ứng vốn trái phiếu Chính phủ dự án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà ở công vụ giáo viên 31.700 triệu đồng, chiếm 16,6%.

- Bố trí vốn đối ứng 34.200 triệu đồng, chiếm 17,9%;

- Trả nợ vốn vay và lãi suất vốn vay 30.000 triệu đồng, chiếm 15,7%;

- Thực hiện dự án 84.375 triệu đồng, chiếm 44,1%, trong đó: Thanh toán cho các công trình hoàn thành 19.775 triệu đồng, bố trí các công trình chuyển tiếp 63.000 triệu đồng và khởi công mới 1.600 triệu đồng;

- Chuẩn bị đầu tư và quy hoạch 10.925 triệu đồng, chiếm 5,7%;

b) Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: Tổng số 509.800 triệu đồng, được phân bổ theo đúng mục tiêu, mức vốn được giao, định hướng của các Bộ, ngành Trung ương.

c) Vốn chương trình mục tiêu và các chương trình dự án lớn: Tổng số 277.521 triệu đồng, trong đó chương trình mục tiêu quốc gia 139.002 triệu đồng; các chương trình, dự án lớn 93.715 triệu đồng và các chương trình khác 38.804 triệu đồng.

(Nội dung cụ thể theo các biểu phân bổ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết;

- Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2008./.

CHỦ TỊCH
(Đã Ký)

Ngô Đức Vượng

Biểu số 1

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2008; KẾ HOẠCH NĂM 2009

(*Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh*)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2007		Năm 2008			Kế hoạch 2009 (1)	So sánh					Ghi chú
		Huy động	KLTH	Kế hoạch	Ước TH cả năm			HĐ 08/ HĐ 07	HĐ 08/ KH 08	HĐ 09/ HĐ 08	KL 08/ KL 07	KL 08/ KH08	
					Huy động	KLTH							
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=4/3	9=6/4	10=5/2	11=5/3	12
	TỔNG SỐ	**5.142**	**4.584**	**5.636**	**5.908**	**5.198**	**5.976**	114,9	104,8	101,1	113,4	92,2	
1	Đầu tư qua ngân sách tỉnh	1.575	1.660	1.536	2.078	1.743	1.786	131,9	135,3	85,9	105,0	113,5	
-	Ngân sách đầu tư tập trung	967,6	1.030,2	910,8	1.266,5	1.060,0	1.026,0	130,9	139,1	81,1	102,9	116,4	
	Trong đó : + Hỗ trợ từ ngân sách TW	151,2	153,7	158,8	208,8	158,8	171,0	138,1	131,5	81,9	103,3	100,0	
	+ Hỗ trợ có MT từ NSTW	682,7	705,8	590	808,5	707,0	600	118,4	137,0	74,2	100,2	119,8	
	+ Đầu tư từ ngân sách tỉnh	45	45	47	49,2	49,2	55	109,3	104,7	111,8	109,3	104,7	
	+ Tiền thu sử dụng đất	88,7	125,7	115	200	145	200	225,5	173,9	100,0	115,4	126,1	
-	Vốn ODA	130	254,0	235	243	243	260	105,7	103,4	107,0	95,7	103,4	
-	Vốn ĐTPT các CTMT	196,3	199,5	190	239	239	200	121,7	125,8	83,7	119,8	125,8	
-	Vốn Trái phiếu Chính phủ	166,4	175,8	200	329,9	200,5	300	198,3	165,0	90,9	114,1	100,3	
2	Vốn đầu tư Bộ, ngành, DNNN	990	561	1.250	1.000	867	1.140	101,0	80,0	114,0	154,4	69,4	
3	Đầu tư của dân cư, tư nhân	1.675	1.577	1.850	1.900	1.825	2.100	113,4	102,7	110,5	115,7	98,6	

4	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	902	786	1.000	930	763	950	103,1	93,0	102,2	97,1	76,3	

Ghi chú: (1) Số dự kiến huy động cho cả năm 2009.

Biểu số 2

KẾ HOẠCH CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2009

(*Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh*)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Thực hiện 2007	Kế hoạch 2008	Năm 2008			Kế hoạch năm 2009			So sánh (%)		Ghi chú
				Tổng số	*Trong đó*		Tổng số	*Trong đó*		TH 2008/ KH 2008	KH 2009/ KH 2008	
					ĐTPT	Sự nghiệp		ĐTPT	Sự nghiệp			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=3/2	10=6/2	11
	TỔNG SỐ (1)	**925.875**	**968.156**	**1.483.774**	**1.325.840**	**164.414**	**1.148.991**	**989.750**	**159.241**	**153,3**	**118,7**	
1	Ngân sách tập trung	231.159	273.800	408.800	408.800	…	361.670	361.670	…	149,3	132,1	
	Trong đó: + Bổ sung từ ngân sách TW (2)	151.159	158.800	208.800	208.800	…	161.670	161.670	…	131,5	101,8	
	+ Đầu t từ tiền sử dụng đất (3)	80.000	115.000	200.000	200.000	…	200.000	200.000	…	173,9	173,9	
2	Hỗ trợ mục tiêu từ NSTW	465.705	482.320	808.520	815.000	…	509.800	509.800	…	167,6	105,7	
3	Chương trình mục tiêu và hỗ trợ khác từ NS tỉnh	229.011	212.036	266.454	102.040	164.414	277.521	118.280	159.241	125,7	130,9	
	Trong đó: + Các CTMT quốc gia	159.525	127.130	130.630	25.100	105.530	139.002	42.150	96.852	102,8	109,3	
	+ Các chương trình, DA lớn	40.649	53.324	117.042	76.940	40.102	93.715	70.130	23.585	219,5	175,7	
	+ Hỗ trợ có MT (vốn sự nghiệp)	16.437	18.182	18.182	…	18.182	38.804	…	38.804	100,0	213,4	
	+ MT chuyển NV thường xuyên	350	350	350	…	350	…	…	…	100,0	…	
	+ CTMT bố trí từ NS tỉnh (4)	12.050	13.050	13.250	13.000	250	6.000	6.000	…	101,5	…	

Ghi chú: - (1) Không tính vốn ODA, tín dụng, vốn vay...
- (2) Bao gồm 2.780 triệu đồng hỗ trợ doanh nghiệp
- (3) Bao gồm cả 10% chi công tác lập HSĐC và cấp GCN quyền sử dụng đất
- (4) Chưa tính vốn kiến thiết thị chính và sự nghiệp khác.

Phụ biểu 2.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2009

Nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh quản lý

(*Kèm theo Nghị quyết số 162/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh*)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch năm 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
	TỔNG SỐ		**1 325 356**	**194 200**	
	Trong đó:				
-	Hỗ trợ các DA trọng điểm, DA xử lý môi trường		…	31 700	Quyết định phân bổ sau
-	Đối ứng các dự án		…	34 200	Có biểu kèm theo
-	Trả nợ vốn vay và lãi suất		…	30 000	Quyết định phân bổ sau
-	Thực hiện dự án			84 375	
+	*DA hoàn thành*		*290 792*	*19 775*	
+	*DA chuyển tiếp*		*995 354*	*63 000*	
+	*Khởi công mới*		*22 138*	*1 600*	
-	Quy hoạch		17 072	4 925	
-	Chuẩn bị đầu tư		…	6 000	Quyết định phân bổ sau
A	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**		**1 308 284**	**84 375**	
I	**NÔNG LÂM NGHIỆP- THUỶ LỢI**		**81 452**	**5 970**	
*	**Dự án hoàn thành**		**56 456**	**3 970**	
1	Hệ thống thuỷ lợi 4 xã Đông Nam Thanh Ba	Thanh Ba	10 482	800	UBND huyện Thanh Ba
2	Hệ thống thuỷ lợi 13 xã Bắc Phù Ninh	Phù Ninh	8 679	700	UBND huyện Phù Ninh
3	NLV Chi cục Bảo vệ thực vật	Việt Trì	2 247	180	Chi cục Bảo vệ thực vật
4	Sửa chữa cải tạo NLV Chi cục HTX và PTNT	Việt Trì	583	190	Chi cục HTX và PTNT
5	NLV trạm thủy nông (Công ty TNHH NN 1 TV khai thác CTTL tỉnh Phú Thọ)	Đoan Hùng	3 338	600	Công ty TNHH NN 1 TV KTCTTL tỉnh Phú Thọ
6	HT thuỷ lợi hạ Thanh Ba (T.bơm Sơn Cương)	Thanh Ba	12 646	500	BQLDA XD NN& PTNT
7	Trung tâm giống gia súc	Lâm Thao	18 121	1000	Trung tâm giống gia súc
*	**Dự án chuyển tiếp**		**24 996**	**2 000**	
8	Trung tâm giống cây trồng	Việt TrÌ	19 885	1 000	Trung tâm giống cây trồng
9	Trung tâm khuyến nông tỉnh	Việt Trì	3 856	500	Trung tâm khuyến nông tỉnh

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch năm 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
10	Trạm kiểm dịch động vật đầu cầu Trung Hà	Tam Nông	1 255	500	Chi cục thú y
II	**GIAO THÔNG**		**155 957**	**8 950**	
*	**Dự án hoàn thành**		**133 819**	**7 350**	
11	Đường 315 (Ngọc Tháp – Phú Hộ)	TX Phú Thọ	10 557	700	Sở Giao thông vận tải
12	Đường 316 (Hồng Hà – La Phù)	Th. Thủy	18 393	700	Sở Giao thông vận tải
13	Đường 317 (Hưng Hóa – Tân Phương)	Th. Thủy	6 260	292	Sở Giao thông vận tải
14	Đường 317 (Đồng Luận – Tinh Nhuệ)	Th. Thủy	32 543	242	Sở Giao thông vận tải
15	Đường 314 (Thị trấn Hạ Hòa – Hậu Bổng)	Hạ Hoà	11 965	1 400	Sở Giao thông vận tải
16	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 308 (308 mở rộng)	Lâm Thao	24 231	1 000	Sở Giao thông vận tải
17	Đường P2 Phù Ninh	Phù Ninh	11 500	1 300	UBND huyện Phù Ninh
18	Đường Ao Giời – Suối Tiên	Hạ Hòa	8 863	900	UBND huyện Hạ Hòa
19	Đường tránh tỉnh lộ 308	Việt Trì	2 616	38	Sở Giao thông vận tải
20	Cầu ngòi Khổng	Cẩm Khê	1 255	300	Sở Giao thông vận tải
21	Cầu dây văng Mỹ Lung	Yên Lập	5 636	478	Sở Giao thông vận tải
*	**Dự án mới**		**22 138**	**1 600**	
22	Hỗ trợ đường vào trụ sở Tỉnh ủy cũ thời kỳ kháng chiến tại xã Yên Kỳ, Hạ Hòa	Hạ Hòa	3 000	800	UBND huyện Hạ Hòa
23	Hỗ trợ đường Tiên Sơn, phường Tiên Cát	Việt Trì	19 138	800	UBND thành phố Việt Trì
III	**CÔNG CỘNG**		**92 113**	**4 566**	
*	**Dự án hoàn thành**		**1 126**	**366**	
24	Hệ thống CSCC đoạn A2 – Cầu Việt Trì	Việt Trì	1 126	366	Công ty CP MT&DVDT Việt Trì
*	**Dự án chuyển tiếp**		**90 987**	**4 200**	
25	Cảnh quan đô thị nút C7	Việt Trì	3 808	500	Công ty CP MT&DVDT Việt Trì
26	Khu sử lý rác thải Trạm Thản (Việt Trì)	Phù Ninh	71 969	1 500	Cty TNHH NN 1TV XL & CB chất thải PT
27	Khu sử lý rác thải Trạm Thản (Thị xã Phú Thọ)	Phù Ninh	12 210	1 200	Công ty CP môi trường đô thị Phú Thọ
28	Bãi chôn lấp tạm thời rác thải trơ	Việt Trì	3 000	1 000	Cty TNHH NN 1TV XL & CB chất thải PT
IV	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**		**130 953**	**26 085**	
*	**Dự án hoàn thành**		**44 473**	**5 885**	

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch năm 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
29	Cải tạo nhà làm việc Sở Văn hóa – Thông tin	Việt Trì	5 018	140	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
30	Trụ sở làm việc Báo Phú Thọ	Việt Trì	3 822	220	Báo Phú Thọ
31	Trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ	Việt Trì	1 123	75	Sở Khoa học và Công nghệ
32	Cải tạo NLV Sở Khoa học và Công nghệ	Việt Trì	3 118	750	Sở Khoa học và Công nghệ
33	Cải tạo NLV các cơ quan khu vực UBND tỉnh	Việt Trì	31 392	4 200	Văn phòng UBND tỉnh
	Trong đó thu hồi kinh phí tạm ứng theo Quyết định số 3429/QĐ – UBND ngày 25/11/2008			500	Văn phòng UBND tỉnh
*	**Dự án chuyển tiếp**		**86 480**	**20 200**	
34	NVL khối đoàn thể	Việt Trì	56 555	14 500	
	Trong đó:				
-	Hạ tầng kỹ thuật (san nền, thoát n-ớc…)	"	23 950	2 500	Văn phòng Tỉnh uỷ
-	Trụ sở Tỉnh hội Phụ nữ	"	4 766	2 500	Tỉnh hội Phụ nữ
-	Trụ sở Tỉnh đoàn Thanh niên	"	5 980	2 500	Tỉnh đoàn Thanh niên
-	Trụ sở Đảng uỷ khối CQDC đảng	"	6 938	2 500	Đảng ủy khối CQDC Đảng
-	Trụ sở Hội Cựu chiến binh	Việt Trì	3 500	1 500	Hội Cựu chiến binh
	Trụ sở liên minh Hợp tác xã tỉnh	Việt Trì	4 500	1 500	liên minh Hợp tác xã tỉnh
	Trụ sở Hội nông dân	Việt Trì	6 921	1 500	Hội nông dân tỉnh
35	NLV Sở Bưu chính viễn thông	Việt Trì	9 959	1 000	Sở Thông tin và Truyền thông
36	Trung tâm QH và KĐ chất lượng công trình XD	Việt Trì	3 320	700	Trung tâm QH& KĐD CLCTXD
37	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Thanh tra tỉnh	Việt Trì	3 109	1 000	Thanh tra tỉnh
38	Huyện ủy Phù Ninh	Phù Ninh	5 000	1 000	Huyện ủy Phù Ninh
39	Nhà khách Huyện ủy Yên Lập	Yên Lập	3 537	1 000	Huyện ủy Yên Lập
40	Huyện uỷ Đoan Hùng	Đoan Hùng	5 000	1 000	Huyện ủy Đoan Hùng
V	**Y TẾ- XÃ HỘI**		**366 365**	**4 500**	
*	**Dự án chuyển tiếp**		**366 365**	**4 500**	
41	Ban BV&CSSK cán bộ tỉnh (DA BV ĐD & PHCN)	Việt Trì	18 335	700	Ban BV&CSSK cán bộ tỉnh
42	Công trường 06 (Trị Quận, Phù Ninh)	Phù Ninh	4 986	1 000	UBND huyện Phù Ninh
43	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Việt Trì	343 044	2 800	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
VI	**GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO**		**259 538**	**15 404**	
*	**Dự án hoàn thành**		**5 428**	**804**	
44	Trung tâm BD chính trị Cẩm Khê	Cẩm Khê	1 900	304	Trung tâm BD chính trị Cẩm Khê

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch năm 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
45	Trường THPT Trung Giáp	Phù ninh	3 528	500	Trường THPT Trung Giáp
*	**Dự án chuyển tiếp**		**254 110**	**14 600**	
46	Trường PTTH Chuyên Hùng Vương	Việt Trì	25 100	500	Trường PTTH Chuyên Hùng Vương
47	Trường THPT Mỹ Văn	Tam Nông	6 285	500	Trường THPT Mỹ Văn
48	Trường PTTH Chân Mộng	Đoan Hùng	4 650	500	Trờng THPT Chân Mộng
49	Trường THPT Yển Khê	Thanh Ba	2 607	800	Trường THPT Yển Khê
50	Trường THPT Việt Trì	Việt Trì	5 194	800	Trường THPT Việt Trì
51	Trường THPT Đoan Hùng	Đoan Hùng	1 850	500	Trường THPT Đoan Hùng
52	Trường THPT Hùng Vương	TX Phú Thọ	7 243	800	Trường THPT Hùng Vương
53	Trường THPT Công nghiệp Việt Trì	Việt Trì	14 000	800	Trường THPT CN Việt Trì
54	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp HN Lâm Thao	Lâm Thao	1 500	700	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp HN Lâm Thao
55	Trung tâm BD chính trị Lâm Thao	Lâm Thao	2 641	700	Trung tâm BD chính trị Lâm Thao
56	Trung tâm BD chính trị Thanh Thủy	Thanh Thủy	3 315	700	Trung tâm BD chính trị Thanh Thủy
57	Trường chính trị tỉnh	Việt Trì	23 000	1 200	Trường Chính trị tỉnh
58	Trường Cao đẳng nghề	Việt Trì	36 288	1 000	Trường Cao đẳng nghề
59	Trường Trung học nông lâm nghiệp	Thanh Ba	4 583	700	Trường THNLN tỉnh
60	Trường TH văn hoá nghệ thuật tỉnh	Việt Trì	14 234	800	Trường VHNT tỉnh
61	Trung tâm ngoại ngữ tin học	Việt Trì	13 698	700	Trung tâm tin học ngoại ngữ
62	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh	Việt Trì	17 355	700	Trung tâm GDTX tỉnh
63	Trường Cao đẳng y tế	TX Phú thọ	22 527	700	Trường Cao đẳng y tế
64	Trung tâm dạy nghề tỉnh	Việt Trì	7 200	700	Trung tâm dạy nghề tỉnh
65	Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh	Việt Trì	41 020	800	Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh
VII	**VĂN HOÁ- TT- TDTT**		**164 368**	**13 800**	
*	**Dự án hoàn thành**		**49 490**	**1 400**	
66	Trung tâm phát thanh truyền hình tỉnh	Việt Trì	47 753	1 000	Đài PTTH tỉnh
67	NLV kiêm trưng bày Hội VHNT tỉnh	Việt Trì	1 737	400	Hội VHNT tỉnh

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch năm 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
*	**Dự án chuyển tiếp**		**114 878**	**12 400**	
68	Bảo tàng Hùng Vương	Việt Trì	97 045	10 000	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
69	Hỗ trợ xây dựng sân vận động huyện Yên Lập	Yên Lập	4 270	600	UBND huyện Yên Lập
70	Hỗ trợ xây dựng sân vận động huyện Thanh Ba	Thanh Ba	7 263	600	UBND huyện Thanh Ba
71	Hỗ trợ xây dựng sân vận động huyện Thanh Thủy	Thanh thủy	2 800	600	UBND huyện Thanh Thủy
72	Hỗ trợ xây dựng sân vận động huyện Đoan Hùng	Đoan Hùng	3 500	600	UBND huyện Đoan Hùng
VIII	**AN NINH- QUỐC PHÒNG**		**57 538**	**5 100**	
*	**Dự án chuyển tiếp**		**57 538**	**5 100**	
73	Sở chỉ huy cơ bản	Hạ Hoà	45 638	1 500	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
74	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên (E753)	Việt Trì	2 700	800	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (1)
75	Dự án xây dựng doanh trại đặc nhiệm phòng chống bạo loạn, tìm kiếm cứu nạn (C20)	Việt Trì	5 700	1 500	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
76	Cải tạo, nâng cấp NLV sở chỉ huy	Việt Trì	3 500	1 300	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
B	**QUY HOẠCH**		**17 072**	**4 925**	
*	**Dự án hoàn thành**		**12 903**	**3 925**	
1	Quy hoạch chi tiết hạ tầng DL, DL Đền Hùng	Lâm Thao	1 565	160	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
2	Quy hoạch khu du lịch nước khoáng nóng Thanh Thuỷ	Thanh Thủy	3 556	450	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
3	Quy hoạch chi tiết khu Quảng trường và Trung tâm thương mại dịch vụ thành phố Việt Trì	Việt Trì	806	235	TT QH& KĐD CLCTXD
4	QH tổng thể phát triển thuỷ lợi giai đoạn 2006- 2015 và định hƯớng đến 2020	Toàn tỉnh	1 589	400	Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
5	Quy hoạch tổng thể chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2006- 2010 và định hướng đến năm 2020	Toàn tỉnh	1 152	500	Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
6	QH chi tiết quảng trường chính trị th.phố Việt Trì	Việt Trì	363	160	TT QH& KĐD CLCTXD
7	QH phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin tỉnh	Toàn tỉnh	332	132	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
8	Hỗ trợ xây dựng QH chi tiết huyện lỵ Tân Sơn	Tân Sơn	1 350	500	UBND huyện Tân Sơn
9	Quy hoạch phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ thời kỳ CNH – HĐH giai đoạn 2008 – 2020	Toàn tỉnh	1 548	800	Chi cục HTX và Phát triển Nông thôn
10	Quy hoạch phát triển điện lưới huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập		442	200	Sở Công thương

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch năm 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
11	Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2020		200	50	Sở y tế
12	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển Điện lực giai đoạn 2006 – 2010 có xét đến 2015	Việt Trì, TX Phú Thọ	338	188	Sở Công thương
13	Điều chỉnh quy hoạch phát triển thủy sản giai đoạn 2003 – 2010; quy hoạch đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020		383	150	Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
*	**Dự án chuyển tiếp**		**3 769**	**1 000**	
14	Quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2008 – 2015 và định hướng đến năm 2020	Lâm Thao	1 261	500	BQLDA CTXDNN & PTNT
15	Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010 – 2015 và định hướng đến năm 2020		300	100	Sở Công thương
16	Điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển các khu CN – TTCN tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020	Tân Sơn	208	200	Sở Công thương
17	Quy hoạch phát triển thành phố Việt trì trở thành thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam	Việt Trì	2 000	200	UBND thành phố Việt trì

Ghi chú: (1) Thu hồi vốn để hoàn trả 800 triệu đồng theo Quyết định số 1730/QĐ – UBND ngày 23/6/2008

(2) Hoàn trả kinh phí đã tạm ứng năm 2008: 500 triệu đồng

Phụ biểu 2.1.1

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2009

Nguồn vốn XDCB tập trung, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Đối tác đầu tư	Tổng mức vốn			Thực hiện đến 31/12/2008			Kế hoạch năm 2009			Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Nớc ngoài, TW	Vốn đối ứng		Nước ngoài, TW	Vốn đối ứng		Nước ngoài, TW	Vốn đối ứng	
	TỔNG SỐ			**1.479.149**	**1.106.315**	**372.834**	**815.262**	**686.420**	**128.842**	**320.947**	**273.947**	**47.000**	Trong đó: Vốn HTMT từ NSTW 12,8 tỷ đồng
I	**CÁC DỰ ÁN ODA**			**1.340.104**	**1.056.527**	**283.577**	**767.796**	**659.754**	**108.042**	**302.439**	**264.939**	**37.500**	
*	**Dự án hoàn thành**			**530.968**	**421.628**	**109.340**	**473.590**	**406.981**	**66.609**	**14.0140**	**0**	**14.140**	
1	DA cải tạo nâng cấp hồ Phượng Mao	Th. Thủy	JBIC	**28.557**	21.210	7.347	26.538	21.210	5.328	1.500		1.500	UBND huyện Thanh Thủy
2	Hệ thống trạm bơm Hoàng Hanh	Thanh Ba	JBIC	23.335	14.835	8.500	19.335	14.835	4.500	1.000		1.000	UBND huyện Thanh Ba
3	Cải tạo nâng cấp đường huyện Yên Lập	Yên Lập	JBIC	12.243	7.000	5.243	9.900	7.000	2.900	1.500		1.500	UBND huyện Yên Lập
4	Đường 321 C (Phương xá – Lương Sơn)	Yên Lập	JBIC	13.335	6.514	6.821	11.328	6.514	4.814	1.700		1.700	Sở Giao thông vận tải
5	Cải tạo, NC đường 315 (Vực Trường- Tề Lễ)	Tam Nông	JBIC	36.519	27.478	9.041	32.878	27.478	5.400	1.000		1.000	UBND huyện Tam Nông
6	Cải tạo nâng cấp đường 312 (Vũ Ẻn – Hạ Hòa)	Hạ Hòa	JBIC	39.407	23.000	16.407	14.700	10.000	4.700	1.200		1.200	UBND huyện Hạ Hòa
7	Hệ thống nước sạch TT Sông Thao	Cẩm Khê	JBIC	16.682	10.680	6.002	12.530	10.680	1.850	500		500	Công ty CP cấp nước Phú Thọ
8	Hệ thống nớc sạch TT Thanh Ba	Thanh Ba	JBIC	19.508	11.769	7.739	13.669	11.769	1.900	500		500	Công ty CP cấp nước Phú Thọ
9	Dự án y tế nông thôn									240		240	BQL DA y tế nông thôn

10	DA giảm nghèo WB	6 huyện, 40 xã	WB	341.382	299.142	42.240	332.712	297.495	35.217	5.000		5.000	BQL DANTTH giảm nghèo PT
*	**Dự án chuyển tiếp**			**717.288**	**564.899**	**152.389**	**294.206**	**252.773**	**41.433**	**272.099**	**249.939**	**22.160**	
11	Hệ thống nước sạch thị trấn Thanh Sơn	Thanh Sơn	JBIC	25.000	20.000	5.000	12.000	10.000	2.000	12.000	10.000	2.000	UBND huyện Thanh Sơn
12	DA nâng cao chất lượng và sử dụng DVSKSS	Toàn tỉnh	UNFPA	35.535	29.535	6.000	13.381	12.781	600	10.383	8.723	1.660	BQLDAVNM7PG0002
	Trong đó: Thu hồi tạm ứng (DA VN 01-P04)											*1.400*	*Thu hồi tạm ứng*
13	Dự án phòng chống HIV/AIDS cho thanh niên	Toàn tỉnh	ADB	11.694	10.168	1.526	2.310	2.210	100	5.500	5.300	200	BQLDA chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS
14	Dự án nâng cao năng lực y tế dự phòng	‘	ADB	11.889	10.437	1.452	7.488	6.838	600	3.700	3.500	200	BQLDA nâng cao năng lực y tế dự phòng
15	Dự án tăng cường chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS và các hoạt động phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam	Toàn tỉnh	Qũy toàn cầu PC HIV/AIDS	7.178	6.188	990	1.300	1.200	100	1.300	1.200	100	BQLDA DA tăng cường chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ người nhiễm IV/AIDS và các hoạt động phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam
16	DA phát triển chè Phú Thọ (AFD)	8 huyện	AFD	215.000	158.700	56.300	90.350	83.250	7.100	54.000	50.000	4.000	BQLDA phát triển cây chè
17	Dự án năng lượng nông thôn II (REE II)	54 xã	WB	149.578	115.114	34.464	59.200	46.000	13.200	54.000	50.000	4.000	BQL DA năng lượng NT II
18	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thuỷ lợi ruột tiêu úng 16 xã huyện Cẩm Khê	Cẩm Khê	JBIC	16.800	13.640	3.160	6.900	5.000	1.900	9.640	8.640	1.000	UBND huyện Cẩm Khê
19	Dự án xây dựng, tu bổ và nâng cấp cụm kè ngã ba sông Việt Trì	Việt Trì	ADB	33.763	31.303	2.460	32.953	31.303	1.650	500		500	BQLDACTXDNN& PTNT tỉnh
20	DA điện khí hoá thôn bản vùng sâu Thanh Sơn	Th. Sơn	CODEV	3.960	3.565	395	3.855	3.565	290	100		100	UBND huyện Thanh Sơn
21	Đường 322 (Thục Luyện - Minh Đài)	Thanh Sơn	ADB	24.536	18.480	6.056	21.538	16.782	4.756	2.998	1.698	1.300	Sở Giao thông vận tải
22	DA nâng cấp tỉnh lộ 321 (TT Y.Lập –	Yên Lập	ADB	28.148	24.555	3.593	8.825	6.028	2.797	18.470	17.470	1.000	Sở Giao thông vận tải

	L.Sơn)												
23	DA xây dựng cầu xã Tề Lễ	Tam Nông	JBIC	19.000	12.000	7.000	5.800	5.000	800	9.000	7.000	2.000	UBND huyện Tam Nông
24	Cải tạo, NC đường Văn Miếu- Thượng Cửu	Thanh Sơn	JBIC	24.900	19.975	4.925	7.900	6.000	1.900	14.975	13.975	1.000	UBND huyện Thanh Sơn
25	Mở rộng lới điện 8 xã huyện Yên Lập	Yên Lập	JBIC	17.500	13.100	4.400	5.500	3.100	2.400	10.300	10.000	300	UBND huyện Yên Lập
26	DA CLB sinh kế cộng đồng nhằm hỗ trợ XĐGN và quản lý cộng đồng	Các huyện	Pháp	3.939	2.656	1.283	2.429	2.189	240	767	467	300	Chi cục BVTV tỉnh
27	Dự án khí sinh học	Các huyện	Hà Lan	14.168	12.138	2.030	8.148	7.648	500	3.000	2.500	500	Trung tâm khuyến nông
28	DA khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005	T,N, Tân Sơn, C. Khê, YL	ADB	74.700	63.345	11.355	4.379	3.879	500	61.466	59.466	2.000	BQL khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005 (Sở NN&PTNT)
*	**Dự án mới năm 2009**			**91.848**	**70.000**	**21.848**		**0**	**0**	**16.200**	**15.000**	**1.200**	
29	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh Sơn (tỉnh lộ 316 đi Tân Lập – Yên Sơn – Tân Long)	Thanh Sơn	JBIC	51.848	40.000	11.848	…	…	…	10.700	10.000	700	UBND huyện Thanh Sơn
30	DA cấp nước sạch thị trấn Hưng Hóa	Tam Nông		40.000	30.000	10.000		…	…	5.500	5.000	500	UBND huyện Tam Nông
II	**DỰ ÁN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**			**88.124**	**49.788**	**38.336**	**34.166**	**26.666**	**7.500**	**13.208**	**9.008**	**4.200**	
*	**Dự án chuyển tiếp**			**88.124**	**49.788**	**38.336**	**34.166**	**26.666**	**7.500**	**13.208**	**9.008**	**4.200**	
1	Dự án điều dưỡng người có công	TX. Phú Thọ	Bộ LĐTBXH	19.540	15.632	3.908	3.718	3.418	300	6.100	5.600	500	Trung tâm điều dưỡng người có công
2	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ	Lâm Thao	"	40.139	16.700	23.439	15.500	11.000	4.500	2.000	0	2.000	Sở LĐTB& xã hội
3	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	Việt Trì	"	5.337	2.602	2.735	4.102	2.602	1.500	700	0	700	Chi cục phòng chống TNXH
4	DA xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHKT và nâng cao năng lực đo lường thử nghiệm tiêu chuẩn đo lường chất	Việt Trì	Bộ KH&CN	13.608	9.608	4.000	7.500	6.400	1.100	3.708	3.208	500	Sở Khoa học và Công nghệ

	lượng.												
5	DA tăng cờng năng lực trang thiết bị quan trắc và phân tích môi trường	Việt Trì	Bộ TN&MT	9.500	5.246	4.254	3.346	3.246	100	700	200	500	Trung tâm quan trắc và bảo vệ MT
III	**ĐỐI ỨNG DỰ ÁN FDI, TỈNH NGOÀI**			**50.921**	**0**	**50.921**	**13.300**	**0**	**13.300**	**5.300**	**0**	**5.300**	
1	Hạ tầng cụm CN Lâm Thao (đường giao thông)	Lâm Thao	VN	11.500		11.500	5.200		5.200	500		500	UBND huyện Lâm Thao
2	Nâng cấp, cải tạo đường Tô Vĩnh Diện đoạn nút A12 – Công ty xăng dầu Vĩnh Phú và nhánh rẽ vào công ty may Veston Shonai	Việt Trì	Nhật Bản	10.921		10.921	2.500		2.500	800		800	Thành phố Việt Trì
3	Hỗ trợ cụm làng nghề TTCN Sơn Vi	Lâm Thao	VN	3.000		3.000	1.400		1.400	500		500	UBND xã Sơn Vi
4	Đường và đường điện 35Kv cụm CN Cẩm Khê	Cẩm Khê	VN	4.000		4.000	2.200		2.200	500		500	UBND huyện Cẩm Khê
5	ỗ trợ cụm CN Tam Nông (tuyến đường tránh lũ vào khu CBKS Dị Nậu)	Tam Nông	VN	11.500		11.500	700		700	1.200		1.200	UBND huyện Tam Nông
6	Hỗ trợ cụm CN Nam Thanh Ba	Thanh Ba	VN	5.000		5.000	800		800	500		500	UBND huyện Thanh Ba
7	Hỗ trợ tầng cụm CN Sóc Đăng – Đoan Hùng	Đoan Hùng	Đài Loan	5.000		5.000	500		500	1.300		1.300	UBND huyện Đoan Hùng

Biểu số 2.2

KẾ HOẠCH NĂM 2009

Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương năm 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, Chủ dự án
	TỔNG SỐ		**6.186.517**	**509.800**	
1	**Chương trình thực hiện NQ 37**		**727.530**	**110.300**	Quyết định phân bổ sau
2	**Đầu tư hạ tầng vùng phân lũ, chậm lũ theo QĐ số 132/2002/QĐ- TTg** (2)		**489.279**	**100.000**	Phụ biểu kèm theo
3	**Chương trình 229**		**332.200**	**32.000**	
-	Huyện Thanh Sơn	Thanh sơn	**160.000**	17.300	UBND huyện Thanh Sơn
	Trong đó: Đường huyện Thanh Sơn từ tỉnhlộ 316D đi Tân Lập, Yên Sơn	*Thanh Sơn*	*12.000*	*5.000*	*Nt*
-	Huyện Yên Lập	Yên Lập	172.000	12.500	UBND huyện Yên Lập
-	Huyện Tân Sơn	Tân Sơn	…	2.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng CT 229 tỉnh Phú Thọ đến năm 2020	Các huyện	200	200	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	**Hạ tầng du lịch**		**174.000**	**18.000**	
-	Khu du lịch Văn Lang		174.000	9.000	
+	*Trong đó: Kè bờ ao quanh hồ khu A*	*Việt Trì*	*25.776*	*9.000*	UBND thành phố Việt Trì
-	Hạ tầng đường giao thông Khudu lịch Vườn Quốc gia Xuân Sơn	Tân Sơn	15.266	9.000	Sở VHTT&Du lịch
5	**Chương trình nuôi trồng và giống thuỷ sản; cây trồng vật nuôi, cây lâm nghiệp**		**59.696**	**5.000**	
-	Trung tâm giống thuỷ sản cấp I	Lâm Thao	21.802	1.600	Trung tâm giống thuỷ sản
	Trong đó: Đầu tư các hạng mục giai đoạn 2		*3.268*	*900*	*-Nt-*
-	Hỗ trợ hạ tầng thủy sản huyện Cẩm Khê	Cẩm Khê	11.652	800	Sở Nông ngHiệp & PTNT
-	Hỗ trợ hạ tầng thủy sản huyện Lâm Thao	Lâm Thao	10.399	800	Sở Nông ngHiệp & PTNT
-	Hỗ trợ hạ tầng thủy sản huyện Thanh Ba	Thanh Ba	8.743	800	Sở Nông ngHiệp & PTNT
-	Hỗ trợ hạ tầng thủy sản huyện Hạ Hòa	Hạ Hòa	7.100	1.000	Sở Nông ngHiệp & PTNT

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, Chủ dự án
6	**Hỗ trợ bảo vệ rừng và phát triển rừng**		**0**	**10.000**	
-	Vườn Quốc gia Xuân Sơn	Tân Sơn		7000	Phụ biểu kèm theo
-	Chi cục Kiểm Lâm			3.000	Phụ biểu kèm theo
7	**Hỗ trợ y tế tỉnh, huyện**		**368.684**	**10.000**	
-	Bệnh viện đa khoa tỉnh (Xây lắp)	Việt Trì	343.044	5.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh
-	Bệnh viện Phụ sản tỉnh	Phù Ninh	25.640	5.000	Bệnh viện Phụ sản tỉnh
8	**Hỗ trợ phát thanh truyền hình địa phương**		**11.183**	**3.500**	
-	Xe truyền hình lưu động	Việt Trì	11.183	2.200	Đài PTTH tỉnh
-	Hỗ trợ đầu tư phát triển Đài PT cấp huyện (Tân Sơn 500 triệu; Hạ Hòa 400 triệu; Yên Lập 400 triệu)	Tân Sơn, Tam nông, Hạ Hòa, Yên Lập	…	1.300	UBND huyện Tân Sơn, Hạ Hòa, Yên Lập
9	**Hạ tầng các cụm, khu công nghiệp**	…	**…**	**5.000**	Thu hồi tạm ứng
10	**Hỗ trợ vốn đối ứng**		**0**	**16.000**	
-	Đối ứng các dự án JIBIC	HTT	…	12.800	Lồng ghép vốn đối ứng (vốn XDCB tập trung)
-	Đối ứng trang thiết bị bệnh viện đa khoa tỉnh	Việt Trì	…	3.200	Bệnh viện đa khoa tỉnh
11	**Hỗ trợ trung tâm cụm xã**	HTT	**4.250**	**3.000**	Phụ biểu kèm theo
-	Trung tâm cụm xã huyện Yên Lập	Yên Lập	1.600	1.200	UBND huyện Yên Lập
-	Trung tâm cụm xã huyện Thanh Sơn	Thanh Sơn	950	650	UBND huyện Thanh Sơn
-	UBND huyện Tân Sơn	Tân Sơn	1.000	650	UBND huyện Tân Sơn
-	UBND huyện Đoan Hùng	Đoan Hùng	700	500	UBND huyện Đoan Hùng
12	**Hỗ trợ đầu tư trụ sở xã**	HTT		**4.000**	Lồng ghép vốn ngân sách tỉnh, QĐ phân bổ sau
13	**Hỗ trợ hạ tầng huyện mới chia tách**		**281.396**	**10.000**	
-	Trụ sở HĐND, UBND huyện Tân Sơn	Tân Sơn	23.049	2.500	UBND huyện Tân Sơn
-	Trụ sở Huyện ủy Tân Sơn	Tân Sơn	24.441	2.500	Huyện ủy Tân Sơn
-	Đường nội thị trung tâm huyện lỵ Tân Sơn	Tân Sơn	233.906	5.000	UBND huyện Tân Sơn
14	**Trường Đại học Hùng V-ương**	Việt Trì	**994.448**	**30.000**	Trường Đại học Hùng Vương
15	**Chương trình bố trí sắp xếp lại dân cư theo QĐ 193/QĐ-TTg**	H.Hòa, Th.Ba, V. Trì, Y.Lập	**…**	**6.000**	Phụ biểu kèm theo

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, Chủ dự án
16	**Hỗ trợ các công trình văn hóa lớn, đặc biệt**		**1.012.000**	**25.000**	
-	Dự án Đền Hùng	Việt Trì	1.012.000	25.000	Khu DTLS Đền Hùng
17	**Tin học hóa cơ quan đảng** (Đề án06)	Việt Trì	**…**	**2.000**	Văn phòng Tỉnh ủy
18	**Hỗ trợ đầu tư khác theo QĐ của TTg**		**1.731.851**	**120.000**	QĐ phân bổ sau

Phụ biểu 2.2.1

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÙNG CHẬM LŨ NĂM 2009

Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	DANH MỤC	KC-HT	Tổng mức đầu tư, DT hoặc QT được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư
	TỔNG SỐ		**1.129.578**	**100.000**	
A	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH**		**58.099**	**6.900**	
1	Tu bổ đê tả và nâng cấp đường Tân Phương – Đồng Luận	02-05	**21.723**	3.150	BQLDA CTXDNN&PTNT
2	Đường Đồng Luận – Yến Mao (đoạn Km8 + 264,9 –Km 11 +813)	03-04	3.266	100	BQLDA CTXDNN&PTNT
3	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 316 đoạn La Phù – Bến xe Thanh Sơn (Km10 + 450 – Km23)	03-05	10.129	1.000	BQLDA CTXDNN&PTNT
4	Đường vùng chậm lũ đoạn Đồng Luận – Đoan Hạ - Hoàng xá – Thắng Sơn và 3 nhánh rẽ	05-06	19.574	2.000	BQLDA CTXDNN&PTNT
5	Cống Tam Thanh	06-07	1.967	250	BQLDA CTXDNN&PTNT
6	Trường Tiểu học La Phù	05-06	1.480	400	UBND Xã La Phù
B	**CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP**		1.071.480	**93.100**	
7	Đường sơ tán La Phù – Thạch Khoán	05-07	**4.427**	1.000	BQLDA CTXDNN&PTNT
8	Đường đoạn chậm lũ đoạn Trung Hà – La Phù	06-07	45.459	15.000	Thu hồi tạm ứng theo QĐ số 1751/QĐ-UBND ngày 24/6/2008
9	Đường vùng chậm lũ (thị trấn Thanh Sơn – Bến Ngọc – La Phù)	06-10	882.763	60.000	BQLDA CTXDNN&PTNT
10	Đường sơ tán dân đoạn Thượng Nông – Xuân Lộc – Thạch Đồng – Đào Xá – Giáp Lai	07-09	71.306	12.100	BQLDA CTXDNN&PTNT
11	Đường sơ tán dân Bảo Yên – Sơn Thủy – Tất Thắng	08-09	57.525	5.000	BQLDA CTXDNN&PTNT

Phụ biểu 2.2.2

CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2009

Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	DANH MỤC	Thời gian KT – HT	TKKT hoặc TĐT được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
	TỔNG SỐ		**36.887**	**10.000**	
1	**Vườn quốc gia Xuân Sơn** - Trạm bảo vệ rừng Kim Thượng, Đồng Tào, Tân Sơn)	08-09	**21.351**	7.000 8.000	Vườn QG Xuân Sơn
-	Đường nội bộ thuần tra bảo vệ rừng	08-09	12.328	4.800	-nt-
-	Xây dựng vườn thực vật	08-09	1.300	400	-nt-
-	Thanh toán KLHT nhà ăn tập thể. San nền khu 1, nhà điều hành,…)	06-08		614	-nt-
-	Đóng cọc mốc Vườn QG Xuân Sơn	08-09	850	386	-nt-
2	**Chi cục Kiểm Lâm**		**15.356**	**3.000**	**-nt-**
-	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm			1.800	Chi cục kiểm lâm
-	Hạt kiểm lâm Tân Sơn	09-10	2.100	600	-nt-
-	Hạt kiểm lâm Phú Lâm	09-10	1.900	600	-nt-

Phụ biểu 2.2.3

HỖ TRỢ TRUNG TÂM CỤM XÃ MIỀN NÚI NĂM 2009
Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	TRUNG TÂM CỤM XÃ	Địa điểm		Tổng mức đầu tư, tổng dự toán	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
	TỔNG SỐ			**4.400**	**3.000**	
I	**HUYỆN YÊN LẬP**			**1.750**	**1.200**	UBND huyện Yên Lập
*	Trung tâm cụm xã Lương Sơn					
-	Xây dựng nước sạch trung tâm xã	Lương Sơn	2009	600	600	
*	Trung tâm cụm xã Trung Sơn					
-	Đường tràn kết hợp giao thông xóm Cả	Trung Sơn	2009	600	300	
*	Đường tâm cụm xã Ngọc Lập					
-	Nhà khuyến nông	Ngọc Lập	2009	550	300	
II	**HUYỆN THANH SƠN**			**950**	**650**	UBND huyện Thanh Sơn
*	Trung tâm cụm xã Khả Cửu					
-	Trạm y tế	Khả Cửu	2009	500	350	
*	Trung tâm cụm xã Cự Đồng					
-	Đường nội bộ TTCX	Cự Đồng	2009	450	300	
III	**HUYỆN TÂN SƠN**			**1.000**	**650**	UBND huyện Tân Sơn
*	Trung tâm cụm xã Kiệt Sơn					
-	Phòng khám đa khoa	Kiệt Sơn	2009	500	350	
*	Trung tâm cụm xã Xuân Đài					
-	Phòng khám đa khoa	Xuân Đài	2009	500	300	
IV	**HUYỆN ĐOAN HÙNG**			**700**	**500**	UBND huyện Đoan Hùng
*	Trung tâm cụm xã Bằng Doãn					
-	Trường mầm non	Bằng Doãn	2009	700	500	

Ghi chú: Thực hiện theo Văn bản số 7003/VPCP-ĐT ngày 20/10/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc đầu tư các trung tâm cụm xã miền núi vùng cao, biên giới.

Biểu số 2.2.4

CHƯƠNG TRÌNHBỐ TRÍ SẮP XẾP LẠI DÂN CƯ THEO QUYẾT ĐỊNH 193/QĐ TTg

Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm XD	TM, tổng dự toán	Kế hoạch năm 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
	Tổng số		**100.200**	**6.000**	BQLDAXDCTDNN&PTNT
1	Dự án bố trí hạ tầng khu tái định cư vùng lũ quyét thuộc các xã Mỹ Lung, Mỹ Lương-Yên Lập	xã Mỹ Lung, Mỹ Lương	82.300	700	
2	Dự án xã Lệnh Khanh – Hạ Hòa				
- 3	TTKLHT đập Đồng Trò, Đồng Lũng; đường vào khu KTM	xã Lệnh Khanh	6.200	1.700	UBND xã Lệnh Khanh
-	Dự án Chí Tiên – Thanh Ba TTKLHT bờ bao đồng cả, bờ vùng vào khu KTM	Xã Chí Tiên	5.200	1.700	UBND xã Chí Tiên
4	Dự án xã Hoàng Cương – Thanh Ba				
-	Bờ bao Đồng Trắng – Khu 2	xã Hoàng Cương	4.500	700	UBND huyện Thanh Ba
5	Dự án xã Thanh Đình				
-	TTKLHT lớp học mầm non	xã Thanh Đình	500	200	UBND xã Thanh Đình
6	Dự án xã Mỹ Lương – Yên Lập				
-	TTKLHT đường ông tích; ông Khánh; đập, kênh thủy lợi phai đê	xã Mỹ Lương	1.500	1.000	UBND huyện Yên Lập

Ghi chú: Thực hiện theo Văn bản số 1546/BNN-HTX ngày 07/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Phụ biểu 2.2.5

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BỐ TRÍ LẠI DÂN CƯ NĂM 2009

(Vốn sự nghiệp theo Quyết định 139/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	DANH MỤC	Kế hoạch năm 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
	TỔNG SỐ	**2.000**	
1	Huyện Hạ Hoà (10 hộ)	100	UBND huyện Hạ Hoà
2	Huyện Cẩm Khê (10 hộ)	100	UBND huyện Cẩm Khê
3	Huyện Thanh Ba (10 hộ)	100	UBND huyện Thanh Ba
4	Huyện Thanh Thuỷ (10 hộ)	100	UBND huyện Thanh Thuỷ
5	Huyện Tam Nông (10 hộ)	100	UBND huyện Tam Nông
6	Huyện Yên Lập (25 hộ)	250	UBND huyện Yên Lập
7	Thanh toán KLHT xây dựng các dự án thực hiện chính sách định canh định cư huyện Yên Lập	240	UBND huyện Yên Lập
8	Thanh toán KLHT xây dựng các dự án thực hiện chính sách định canh định cư huyện Tân Sơn	150	UBND huyện Tân Sơn
9	Dự án Quy hoạch ngành nghề nông thôn 2006 – 2010	188	Chi cục HTX&PTNT
10	Điều tra, khảo sát lập dự án ổn định đời sống cho đồng bào người Mông huyện Yên Lập (phục vụ đề án của Ban chỉ đạo Tây Bắc)	350	UBND huyện Yên Lập
11	Điều tra, khảo sát lập dự án ổn định đời sống cho đồng bào người Mông huyện Tân Sơn (phục vụ đề án của Ban chỉ đạo Tây Bắc)	250	UBND huyện Tân Sơn
12	Kinh phí hướng dẫn, kiểm tra, giám sát	72	Chi cục HTX&PTNT

Phụ biểu 2.2.6

HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐC ĐC THEO QUYẾT ĐỊNH 33/QĐ-TTg NĂM 2009

Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách TW – vốn sự nghiệp

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	DANH MỤC	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
	TỔNG SỐ	1.000	
1	Huyện Yên Lập	700	UBND Huyện Yên Lập
2	Huyện Tân Sơn	300	UBND Huyện Yên Lập

Ghi chú: Thực hiện theo Quyết định số 33/2007/QĐTTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010.

Phụ biểu 2.3

TỔNG HỢP NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐẤU GIÁ ĐẤT KẾ HOẠCH NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị quản lý thu	Kế hoạch năm 2008	Kế hoạch 2009				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			
				NS cấp tỉnh được hưởng	Ngân sách cấp huyện, xã được hưởng		
					Tổng số	Trong đó: Giáo dục và Đào tạo, dạy nghề	
	TỔNG SỐ	**115.000**	**200.000**	**36.000**	**164.000**	**42.640**	
	Trong đó: Trích 10% để thực hiện việc cấp hồ sơ địa chính và cấp GCN QSD đất theo QĐ của Chính phủ		*20.000*	*36.000*	*16.400*		
1	Thành phố Việt Trì	40.000	60.000		54.000	15.600	
2	Thị xã Phú Thọ	15.000	20.000		18.000	5.200	
3	Huyện Phù Ninh	6.000	12.000		10.000	3.120	
4	Huyện Lâm Thao	6.000	13.000		11.700	3.380	
5	Huyện Đoan Hùng	5.000	7.000		6.300	1.820	
6	Huyện Thanh Ba	7.000	11.000		9.900	2.860	
7	Huyện Hạ Hoà	3.000	6.000		5.400	1.560	
8	Huyện Tam Nông	4.000	8.000		7.200	2.080	
9	Huyện Thanh Thuỷ	4.000	8.000		7.200	2.080	
10	Huyện Cẩm Khê	3.500	8.000		7.200	2.080	
11	Huyện Thanh Sơn	3.500	6.000		5.400	1.560	
12	Huyện Yên Lập	2.000	3.000		2.700	780	
13	Huyện Tân Sơn	1.000	2.000		1.800	520	
14	Cục Thuế tỉnh	15.000	36.000	36.000			

Phụ biểu 2.4

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2009

Nguồn vốn XDCB tập trung (ngân sách cấp huyện, xã được hưởng)

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
	TỔNG SỐ		**147.60**	
1	**Thành phố Việt Trì**		**54.000**	
	Trong đó:			
-	05 tuyến đường ngang Việt trì	23.281		UBND thành phố Việt Trì
-	Đờng Trần Phú (C7- Dữu Lâu)	16.782		-nt -
-	Nâng cấp, cải tạo đường đồi cam Thanh Miếu	3.223		-nt -
-	Đường Nguyễn Tất Thành (C4- C22)	56.514		-nt -
-	Đường Hùng Vương (A2- A3)	8.207		-nt -
-	Đường Tân Bình	5.520		-nt -
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		15.600	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
2	**Thị xã Phú Thọ**		**18.000**	
	Trong đó:			
-	Cải tạo NLV UBND thị xã Phú Thọ	7.748		UBND thị xã Phú Thọ
-	Hội trường + Nhà ăn,bếp UBND Tx.Phú Thọ	3.368		-nt -
-	Đường nội thị thị xã Phú Thọ	5.689		-nt -
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		5.200	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
3	**Huyện Phù Ninh**		**10.800**	
	Trong đó:			
-	Huyện ủy Phù Ninh	2.568		UBND huyện Phù Ninh
-	Hệ thống thuỷ lợi 13 xã Bắc Phù Ninh	8.679		-nt -
-	Đường P2 Phù Ninh	11.500		-nt -
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		3.120	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
4	**Huyện Lâm Thao**		**11.700**	
	Trong đó:			
-	Nhà làm việc Huyện uỷ Lâm Thao	3.536		Huyện uỷ Lâm Thao
-	NLV UBND huyện Lâm Thao	4.881		UBND huyện Lâm Thao
-	Đường nội thị thị trấn Lâm Thao	3.086		
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		3.380	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
5	**Huyện Đoan Hùng**		**6.300**	
	Trong đó:			
-	Huyện uỷ Đoan Hùng	5.000		Huyện uỷ Đoan Hùng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
-	Kho lưu trữ huyện uỷ Đoan Hùng	491		-nt-
-	Sân vận động huyện Đoan Hùng	3.500		UBND huyện Đoan Hùng
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		1.820	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
6	**Huyện Thanh Ba**		**9.900**	
	Trong đó:			
-	Nhà làm việc UBND huyện Thanh Ba	4.213		UBND huyện Thanh Ba
-	NLV huyện uỷ Thanh Ba	5.708		Huyện uỷ Thanh Ba
-	Đường tránh nội thị TT Thanh Ba	5.024		-nt -
-	Sân vận động huyện Thanh Ba	7.263		
-	Nâng cấp HT thuỷ lợi 4 xã Đông Nam	10.842		-nt -
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		2.860	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
7	**Huyện Hạ Hoà**		**5.400**	
	Trong đó:			
-	Nhà làm việc UBND huyện Hạ Hoà	3.332		UBND huyện Hạ Hoà
-	Đường Ao Giời- Suối Tiên	7.935		-nt-
-	Cải tạo, NC hệ thống thủy lợi hồ Hàm Kỳ	26.149		-nt -
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		1.560	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
8	**Huyện Tam nông**		**7.200**	
	Trong đó:			
-	NLV UBND huyện Tam Nông	3.523		UBND huyện Tam Nông
-	CT, NC tuyến đường từ đường tránh lũ đi cụm CN và CBKS Dị Nậu	11.500		-nt -
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		2.080	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
9	**Huyện Thanh Thuỷ**		**7.200**	
	Trong đó:			
-	NLV huyện uỷ Thanh Thuỷ	3.264		Huyện uỷ Thanh Thủy
-	NLV UBND huyện Thanh Thuỷ	3.800		UBND huyện ThanhThuỷ
-	Sân vận động huyện Thanh Thủy	2.800		
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		2.080	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
10	**Huyện Cẩm Khê**		**7.200**	
	Trong đó:			
-	Đường Xương Thịnh – Đông Cam	9.720		UBND huyện Cẩm Khê
-	NLV Huyện uỷ Cẩm Khê	3.249		Huyện uỷ Cẩm Khê
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		2.080	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
11	**Huyện Thanh Sơn**		**5.400**	
	Trong đó:			
-	UBND huyện Thanh Sơn	4.000		UBND huyện Thanh sơn

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
-	Sân vườn UBND huyện Thanh Sơn			-nt -
-	Đường Thục Luyện- Vinh Tiền	3.531		-nt -
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		1.560	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
12	**Huyện Yên Lập**		**2.700**	
	Trong đó:			
-	Điện Tân Long- Ngọc Đồng	4.967		UBND huyện Yên lập
-	Sân vận động huyện Yên Lập	4.270		-nt -
-	Nhà khách huyện uỷ	3.537		Huyện uỷ Yên Lập
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		780	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			
13	**Huyện Tân Sơn**		**1.800**	
	Trong đó:			
-	NLV UBND huyện Tân Sơn	23.049		UBND huyện Tâm Sơn
-	NLV huyện ủy Tân Sơn	24.441		Huyện ủy Tân Sơn
-	Đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề		520	
-	Vốn đối ứng các dự án ODA (nếu có)			

Phụ biểu 2.5

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC DỰ ÁN LỚN

(Kèm theo Nghị quyết số126/2008/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN	Năm 2008		Kế hoạch 2009		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó ĐTPT	Tổng số	Trong đó ĐTPT	
	TỔNG SỐ	**299.479**	**102.040**	**271.251**	**112.280**	
*	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**	**130.630**	**25.100**	**139.002**	**42.150**	
-	**Chương trình về giảm nghèo**	**2.254**		**3.939**		
-	DA khuyến nông, lâm, ngư và phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề	600		1.200		
-	Dạy nghề cho người nghèo	1.100		1.490		
-	Trợ giúp pháp lý cho người nghèo	120		320		
-	Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác XĐGN và cán bộ xã nghèo	364		451		
-	Giám sát đánh giá chương trình	70		478		
2	**Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm**	**3.830**		**2.190**	**2.000**	
-	Nâng cao năng lực quản lý lao động việc làm	200		110		
-	DA đào tạo, BDCB làm công tác XĐGN	80		…		
-	Hoạt động giám sát đánh giá	50		80		
-	Bổ sung vốn vay GQVL (1)	3.500				
-	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động và năng lực TTGT việc làm	…		2.000	2.000	
3	**Chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình**	**8.068**		**8.648**		
-	Truyền thông giáo dục thay đổi hành vi	1.479		1.870		
-	Lồng ghép truyền thông cung cấp dịch vụ KHHGĐ (7.1)	932		…		
-	Dự án nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ	1.187		1.907		
-	Đảm bảo hậu cần và tiếp thị các BPTT	235		343		
-	Nâng cao năng lực quản lý đội ngũ CBDS	3.278		3.425		
-	Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin quản lý	737		778		
-	Nâng cao chất lượng dân số Việt Nam	220		…		
-	Thử nghiệm mở rộng một số mô hình	-		325		
-	Đầu tư XDCB	-				
4	**Chương trình phòng chống một số bệnh XH, bệnh dịch nguy hiểm và**	**11.467**	**6.000**	**12.738**	**6.000**	

	HIV/AIDS					
-	Dự án phòng chống sốt rét	636		705		
-	Dân quân y kết hợp	60		92		
-	Dự án phòng chống bướu cổ	-		-		
-	Dự án phòng chống bệnh phong	125		167		
-	Dự án phòng chống Lao	575		141		
-	Dự án phòng chống sốt xuất huyết	-		…		
-	Dự án tiêm chủng mở rộng	510		600		
-	Dự án phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	1.400		1.814		
-	Dự án sức khỏe tâm thần cộng đồng	1.200		1.560		
-	Dự án phòng chống HIV/AIDS	961		1.659		
-	Đầu tư XDCB	6.000	6.000	6.000	6.000	
5	**Chương trình mục tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm**	**871**	**-**	**1.052**		
-	Nâng cao QL chất lượng VSATTP			345		
-	Thông tin giáo dục truyền thông			205		
-	Tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng			182		
-	Đảm bảo vệ sinh ATTP			130		
-	DA đảm bảo ATVSTP trong sản xuất và sơ chế	…		100		
6	**Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn**	**8.000**	**7.600**	**21.400**	**19.150**	**NN 13**
7	**Chương trình quốc gia về văn hóa**	**14.150**	**11.500**	**16.985**	**15.000**	
-	Dự án chống xuống cấp và tôn tạo di tích	11.900	11.500	15.900	15.000	
-	DA ST và BT văn hoá phi vật thể	180		150		
-	DA xây dựng mô hình điểm văn hóa xã, huyện	280		…		
-	Xây dựng các thiết chế văn hoá TT cơ sở	410		375		
-	Cung cấp các sản phẩm văn hoá thông tin cơ sở	40		230		
-	Làng văn hóa, xã có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	500	500	30		
-	Phát triển thư viện	140		150		
-	Phát triển điện ảnh và phổ biến phim	700		…		
-	Dự án cấp các trang thiết bị và sản phẩm VHNT cho đồng bào dân tộc thiểu số			150.000		
8	**Chương trình giáo dục đào tạo và dạy nghề**	**79.240**		**69.000**		
-	Dự án củng cố phổ cập tiểu học & trung học	1.500		2.000		
-	Đổi mới nội dung sách giáo khoa	6.390		6.000		
-	Đào tạo cán bộ tin học và đa tin học vào NT	2.200		3.500		
-	Đào tạo BDGV&Tăng cờng CSVC trường sư phạm	10.000		2.000		

-	Hỗ trợ giáo dục miền núi và dân tộc	9.000		11.000		
-	Tăng cường CSVC trường học và HKPĐ	40.000		32.000	PTTH 17.000	
	Tr.đó: Các công trình phục vụ HKPĐ	*26.500*		*10.000*		
-	Nâng cao năng lực các trường dạy nghề	10.150		12.500		
	+ Trang thiết bị B77 cơ sở dạy nghề Trọng điểm	5.200		8.500		
	+ Hỗ trợ xây lắp Trung tâm dạy nghề	1.000		…		
	+ Dạy nghề đặc thù:	3.900		4.000		
	- Dạy nghề cho nông dân và dân tộc	3.100				
	- Dạy nghề tàn tật	400				
	- Xây dựng giáo trình và bồi dưỡng GV	400				
	+ Giám sát đánh giá	50				
9	**Chương trình phòng, chống tội phạm**	**1.050**	**-**	**1.050**		
10	**Chương trình quốc gia phòng, chống ma tuý**	**1.700**	**-**	**2.000**		
B	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DA LỚN**	**117.042**	**76.940**	**93.715**	**70.130**	
1	**Chương trình 135 giai đoạn 2 (1)**	**102.352**	**62.250**	**84.085**	**60.500**	
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn	…	…	60.500	60.500	
-	DA hỗ trợ PTSX và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	..	..	13.820	…	
-	Các dịch vụ cải thiện đời sống và trợ giúp pháp lý	…	…	346		
-	DA đào tạo NCCL cán bộ thôn bản và cộng đồng	…	…	5.190		
-	Duy tu bảo dưỡng các công trình sau đầu tư	…	…	3.811		
-	Kinh phí Ban chỉ đạo	…	…	418		
2	**Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng**	**14.690**	**14.690**	**9.630**	**9.630**	
*****	**BỔ SUNG CÓ MT TỪ NSTW (vốn sự nghiệp)**	**51.807**		**38.804**		
1	Ngăn chặn và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, TE bị xâm hại tình dục và phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm (QĐ 19/2004/QĐ-TTg về trẻ em)	151		250		
2	Thực hiện chương trình bố trí dân cư	2.500		2.000		
3	Chương trình phát triển NNNT giai đoạn 2007-2010 và hỗ trợ sử lý ô nhiễm môi trường	400		14..991		
4	Mục tiêu phủ sóng truyền hình (trang thiết bị PTTH)	3.000		3.000		
5	Hỗ trợ sáng tác tác phẩm VHNT	260		340		
6	Hỗ trợ nghiên cứu khoa học	110		300		
7	Hỗ trợ chia tách huyện, xã	4.000		4.000		
8	Hỗ trợ kinh phí ĐCĐC (theo Quyết định	200		1.000		

	33/QĐ-TT g)					
9	Hỗ trợ CT quốc gia an toàn VS lao động	310		190		
10	Hỗ trợ học bổng trường dân tộc nội trú	1.035		2.949		
11	Hỗ trợ các mặt hàng chính sách phục vụ miền núi	10.860		9.384		
11	Đề án 06	…		400		

Biểu số 2.5.1

CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ GIẢM NGHÈO; VIỆC LÀM; AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG – NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2009	Chủ dự án, chủ đầu tư
	TỔNG SỐ	**10.819**	
I	**CTMT quốc gia về giảm nghèo**	**3.939**	
1	**Dự án khuyến nông, lâm, ngư và hỗ trợ sản xuất phát triển nông nghiệp**	**1.200**	
a	Khuyến nông, lâm, ngư	300	Trung tâm khuyến nông tỉnh
-	Thông tin tuyên truyền	20	
-	Tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ	80	
-	Xây dựng mô hình trình diễn	191	
-	+ Lúa lai 10 ha	68	
-	+ Ngô lai 5 ha	44	
-	+ Chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học	59	
-	+ Chăn nuôi bò đực giống	20	
-	Kinh phí kiểm tra, giám sát thực hiện đề án	9	
b	Phát triển ngành nghề	300	Chi cục HTX và PTNT
-	Phát riển ngành nghề sử dụng máy đốn hái chè tại xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba (4 máy đốn, 4 máy hái)	150	
-	Hỗ trợ nghề mây tre đan xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê	150	
c	Phát triển sản xuất	600	Chi cục HTX và PTNT
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất trồng mây nếp tại xã Yên Tập huyện Cẩm Khê	200	
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất nghề mây tre đan xã Thượng Nông, huyện Tam Nông	200	
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất trồng mây nếp tại xã Đại An, huyện Thanh Ba (5 ha)	200	
2	**Dạy nghề cho người nghèo**	**1.490**	
-	Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ	200	Trường Cao đẳng nghề
-	Trung tâm dạy nghề Phú Thọ	300	Trung tâm dạy nghề Phú Thọ
-	Trung tâm giới thiệu việc làm Phú Thọ	300	Trung tâm GTVL Phú Thọ
-	Trung tâm hoạt động TTN và dạy nghề Hùng Vương	100	T.T HĐ TTN và DN Hùng Vương
-	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm nông dân	100	T.T DN và HTVL Nông dân

-	Trung tâm đào tạo và giới thiệu việc làm công đoàn	100	T.tâm đào tạo & GTVL công đoàn
-	Trung tâm dạy nghề Thanh Sơn	300	T.tâm dạy nghề Thanh Sơn
-	Trung tâm dạy nghề và GTVL phụ nữ	90	TT dạy nghề và GTVL phụ nữ
3	**Trợ giúp pháp lý cho người nghèo**	**320**	Trung tâm trợ giúp pháp lý - Sở Tư pháp
4	**Nâng cao năng lực giảm nghèo**	**451**	Sở LĐTB & XH
-	Đào tạo tập huấn cán bộ XĐGN và cán bộ xã nghèo	351	
-	Hoạt động truyền thông	100	
5	**Giám sát đánh giá chương trình**	**478**	Sở LĐTB & XH
II	**CTMT quốc gia về việc làm**	**6.690**	
1	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động và năng lực TT giới thiệu việc làm	2.000	Trung tâm GTVL Phú Thọ
2	Đào tạo nâng cao năng lực quản lý lao động việc làm	110	Sở LĐTB& XH
3	Giám sát đánh giá	80	
4	Bổ sung vốn vay GQVL	4.500	Ngân hàng chính sách
-	Thành phố Việt Trì	400	
-	Thị xã Phú Thọ	300	
-	Huyện Phù Ninh	400	
-	Huyện Lâm Thao	400	
-	Huyện Tam Nông	300	
-	Huyện Thanh Thủy	400	
-	Huyện Thanh Sơn	300	
-	Huyện Yên Lập	300	
-	Huyện Cẩm Khê	300	
-	Huyện Hạ Hòa	350	
-	Huyện Thanh Ba	400	
-	Huyện Đoan Hùng	350	
-	Huyện Tân Sơn	300	
III	**Chương trình quốc gia an toàn vệ sinh lao động (nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu)**	**190**	Sở LĐTB & XH (Sở LĐ dự kiến 487 triệu)
-	Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước	20	
-	Phòng chống bệnh nghề nghiệp	70	
-	Tuyên truyền, huấn luyện an toàn lao động	100	

Phụ biểu 2.5.1.1

KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ CHO NGƯỜI NGHÈO

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	ĐƠN VỊ	Kế hoạch 2009	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	**1.490**	
1	**Trường cao đẳng Nghề Phú Thọ**	**200**	*CĐT: Trường CĐ nghề*
	Chăn nuôi thú y	94	60 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
	Dệt mành xuất khẩu	53	35 học sinh, 1 lớp, 3 tháng/lớp
	Mây tre đan	53	35 học sinh, 1 lớp, 3 tháng/lớp
2	**Trung tân dạy nghề**	**300**	*CĐT: TT dạy nghề*
	May dân dụng	75	35 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
	Dệt	75	35 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
	Chăn nuôi thú y	75	35 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
	Trồng trọt, BVTV	75	35 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
3	**Trung tâm giới thiệu việc làm**	**300**	*CĐT: TT GTVL tỉnh*
	Dệt thổ cẩm	150	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
	Thêu ren	150	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
4	**Trung tâm dạy nghề Thanh Sơn**	**300**	*CĐT: TT dạy nghề Thanh Sơn*
	Thủ công mỹ nghệ	75	35 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
	Lâm sinh	75	35 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
	Dệt thổ cẩm	75	35 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
	Trồng trọt, BVTV	75	35 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
5	**TT DN và hỗ trợ việc làm ND**	**100**	*CĐT: TT DN HTVL Nông dân*
	Chăn nuôi thú y	100	63 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
6	**TT dạy nghề và GTVL phụ nữ**	**90**	*CĐT: TT DN và GTVL phụ nữ*
	Thủ công mỹ nghệ	90	60 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
7	**TT đào tạo và GTVL LĐLĐ tỉnh**	**100**	*CĐT: TT ĐT và GTVL LĐLĐ*

	May công nghiệp	50	25 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
	Điện dân dụng	50	25 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
8	**TT HĐ TTN DN Hùng Vương**	**100**	*CĐT: TT HĐ TTN DN H.Vương*
	Điện dân dụng	50	25 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
	Hàn	50	25 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp

Phụ biểu 2.5.2

CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162 /2008/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục, chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2009			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn CT MTQG	Vốn 3 nhà tài trợ	
	TỔNG SỐ	**124.514**	**20.700**	**8.000**	**12.700**	
I	**Vốn đầu tư phát triển**	**124.514**	**18.450**	**7.650**	**10.800**	
1	**Công trình hoàn thành**	**23.688**	**1.725**	**1.725**		
-	DA cấp nước sinh hoạt xã Cao Xá (Lâm Thao)	3.067	200	200		
-	DA cấp nước SH xã Phú Nham (Phù Ninh)	1.946	100	100		
-	DA cấp nước sinh hoạt xã An Đạo (Phù Ninh)	2.718	27	27		
-	DA cấp nước SH xã Đồng Thịnh (Yên Lập)	1.832	100	100		
-	DA cấp nước SH xã Lương Sơn (Yên Lập)	1.253	23	23		
-	DA cấp nước sạch xã Võ Miếu (Thanh Sơn)	1.619	200	200		
-	DA cấp nước sinh hoạt xã Sơn Vi (Lâm Thao)	6.301	700	700		
-	DA cấp nước SH xã Thạch Sơn (Lâm Thao)	2.345	150	150		
-	DA cấp nước SH xã Hoàng Xá (Thanh Thủy)	2.507	125	125		
-	Rà soát điều chỉn quy hoạch tổng thể nước sạch và VSMT	550	100	100		
2	**Công trình chuyển tiếp**	**38.711**	**5.925**	**5..925**		
-	DA cấp nước SH xã Kinh Kệ (Lâm Thao)	6.543	900	900		HT tháng 12/2008
-	DA cấp nước SH xã Đỗ Xuyên (Thanh Ba)	5.586	650	650		
-	DA cấp nước SH xã Đồng Luận (Thanh Thủy)	6.986	800	800		HT tháng 6/2009
-	DA cấp nước SH xã Văn Lang (Hạ Hòa)	1.893	400	400		HT tháng 3/2009
-	DA cấp nước SH xã Vĩnh Chân (Hạ Hòa)	6.639	958	958		
-	DA cấp nước SH xã Hùng Quan (Đoan Hùng)	5.121	900	900		
-	DA cấp nước SH xã Đan Thượng (Hạ Hòa)	5.943	1.317	1.317		
3	**Công trình xây dựng mới**	**29.880**	**8.300**		**8.300**	
-	Dự án cấp nước sinh hoạt cụm các xã Tình Cương, Hiền Đa, Cát Trù – huyện Cẩm Khê	24.255	6.000		6.000	
-	Dự án cấp nước sinh hoạt xã Quang Húc huyện Tâm Nông	5.625	2.300		2.300	
4	**Công trình chuẩn bị đầu tư**	**32.235**	**1.300**	**0**	**1.300**	
-	Dự án cấp nước sinh hoạt cụm các xã Bình Bộ, Tử Đà huyện Phù Ninh	6.990	500		500	
-	Dự án cấp nước sinh hoạt xã Bản Nguyên huyện Lâm Thao	15.245	450		450	Trên 2000 hộ
-	Dự án cấp nước sinh hoạt cụm xã Yên Tập, Phú Khê – huyện Cẩm Khê	10.000	350		350	Vùng bị nhiễm thuốc trừ sâu khoảng 500 hộ
-	Dự án cấp nước sinh hoạt phường Bạch Hạc (Việt Trì)	4.850	700	400	350	

5	**Công trình nâng cấp, sửa chữa:** (9 công trình thuộc các xã Vĩnh Lại, Võ Miếu, xóm Mít (xã Tân Lập), Phương Xá, Hoàng Xá, Vũ Yển, Lương Lỗ, Phương Chung)		**1.200**		**1.200**	
II	**Vốn sự nghiệp**		**2.250**	**350**	**1.900**	
-	Tăng cường năng lực cán bộ TT nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.		100	100		
-	Tập huấn cán bộ quản lý vận hành các công trình cấp nước		90	90		
-	Giám sát, đánh giá chất lượng nước và VSMT nông thôn		460	60	400	
-	Tập huấn đào tạo tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn		100	100		
-	Công tác truyền thông		200		200	
-	Xây dựng nhà tiêu hộ gia đình		300		300	Có phụ biểu chi tiết kèm theo
-	Xây dựng công trình xử lý chất thải chợ nông thôn		200		200	
-	Xử lý chất thải chăn nuôi		200		200	
-	Xây dựng công trình cấp nước và vệ sinh cho trường học (*)		300		300	
-	Xây dựng công trình cấp nước và vệ sinh cho các cơ sở khám chữa bệnh (*)				300	

Ghi chú: (*) Chủ đầu tư các công trình dự án giao Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, riêng DA xây dựng công trình cấp nước vệ sinh môi trường cho trường học và DA xây dựng công trình cấp nước vệ sinh cho cơ sở khám chữa bệnh giao sở GD&ĐT và sở y tế là chủ đầu tư theo hướng dẫn của nhà tài trợ nước ngoài (Úc, Hà Lan, Đan Mạch).

Phụ biểu 2.5.2.1

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THUỘC NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162 /2008/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục, địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2009			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Vốn sự nghiệp	Vốn 3 nhà tài trợ	
I	**Xây dựng nhà tiêu hộ gia đình**	**300**		**300**	***CĐT: TT NS và VSMT NT***
1	Xã Tình Cương, huyện Cẩm Khê	130		130	100 công trình
2	Xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê	85		85	100 công trình
3	Xã Cát Trù huyện Cẩm Khê	85		85	100 công trình
II	**Xây dựng công trình vệ sinh sử lý chất thải chợ nông thôn**	**200**		**200**	***CĐT: TT NS và VSMT NT***
1	Xã Cát Trù huyện Cẩm Khê	100		100	
2	Xã Đan Thương, huyện Hạ Hòa	100		100	
III	**Xử lý chất thải chăn nuôi**	**200**		**200**	***CĐT: TT NS và VSMT NT***
1	Xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao	80		80	67 công trình
2	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao	60		60	50 công trình
3	Xã Kinh Kệ, huyện Lâm Thao	60		60	50 công trình
IV	**Xây dựng công trình cấp nước và vệ sinh cho trường học**	**300**		**300**	***CĐT: SGD&ĐT***
1	Trường Tiểu học xã Cự Đồng (Thanh Sơn)	84		84	Giếng đào cấp nước 30tr, nhà vệ sinh tự hoại 54tr.đ
2	Trường Mầm non xã Tân Phú (Tân Sơn)	48		48	Giếng đào cấp nước 18tr, nhà vệ sinh tự hoại 30tr.đ
3	Trường Mầm non xã Xuân Thủy (Yên Lập)	40		40	Giếng đào cấp nước 10tr, nhà vệ sinh tự hoại 30tr.đ
4	Trường Mầm non xã Bằng Giã (Hạ Hòa)	48		48	Giếng đào cấp nước 18tr, nhà vệ sinh tự hoại 30tr.đ
5	Trường Tiểu học xã An Đạo (Phù Ninh)	80		80	Giếng đào cấp nước 20tr, nhà vệ sinh tự hoại 60tr.đ
V	**Xây dựng công trình cấp nước và vệ sinh cho các cơ sở khám chữa bệnh**	**300**		**300**	***CĐT: Sở Y tế***
1	Trạm y tế xã Lương Nha, huyện Thanh Sơn	58		58	Giếng đào cấp nước 18tr, nhà vệ sinh tự hoại 40tr.đ
2	Trạm y tế xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn	58		58	Giếng đào cấp nước 18tr, nhà vệ sinh tự hoại 40tr.đ
3	Trạm y tế xã Xuân An, huyện Yên Lập	21		21	Giếng đào cấp nước 18tr, nhà vệ sinh tự hoại 40tr.đ
4	Trạm y tế xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa	58		58	Giếng đào cấp nước 18tr, nhà vệ sinh tự hoại 40tr.đ
5	Trạm y tế xã Tam Cường, huyện Tam Nông	40		40	Nhà vệ sinh tự hoại
6	Trạm y tế xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng	65		65	Giếng đào cấp nước 25tr, nhà vệ sinh tự hoại 40tr.đ

Biểu số 2.5.3

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NGÀNH Y TẾ NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch 2009	Chủ dự án, chủ đầu tư
	Tổng số	**28.438**	
1	**CT Phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/ AIDS**	**12.738**	
1	***Tiêm trủng mở rộng***	***600***	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh
-	Thông tin tuyên truyền	50	
-	Hỗ trợ cán bộ tiêm chủng và bảo quản kho vắc xin	285	
-	Tập huấn nghiệp vụ	30	
-	Mua bổ sung tủ lạnh, sửa chữa dây truyền lạnh	40	
-	Vận chuyển, bảo quản Vaccine	70	
-	In ấn sổ sách, biểu mẫu của dự án và văn phòng phẩm	45	
-	Kiểm tra, giám sát đánh giá	80	
2	***Phòng chống sốt rét***	***705***	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh
-	Thông tin tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ	121,4	
	Mua thuốc điều trị, vận chuyển	25,0	
-	Hỗ trợ công phun tẩm hóa chất diệt muỗi	91,6	
-	Hỗ trợ xã, thôn bản trọng điểm	234,0	
-	Mồi bắt muỗi, soi lam máu, bổ sung dụng cụ	72,0	
-	Hỗ trợ điểm kính, soi lam	46,0	
-	Kiểm tra, giám sát đánh giá, văn phòng phẩm	115,0	
3	***Phòng chống Lao***	***141***	Bệnh viện lao
-	Giám sát đánh giá định kỳ	135	
-	Hội nghị triển khai, sơ tổng kết, in tài liệu	6	
4	***Sức khỏe tâm thần cộng đồng***	***1.560***	Bệnh viện tâm thần
-	Thông tin tuyên truyền giáo dục sức khỏe	83,1	
-	Tập huấn nghiệp vu chuyên môn	80,0	
-	Mua thuốc điều trị, bệnh án mới, in tích liệu	824,1	
-	Hộ trợ CTV phục hồi cho bệnh nhân	380,0	
-	Hỗ trợ cán bộ y tế cấp thuốc tại xã	66,2	
-	Hoạt động mô hình xã điểm	9,4	
-	Điều tra, giám sát đánh giá	97,2	
-	Hội nghị triển khai, sơ tổng kết, khen thưởng	20,0	
5	***Phòng chống Phong***	***167***	Tr.tâm phòng chống bệnh XH
-	Đào tạo tập huấn nghiệp vụ	48	

-	Truyền thông	35	
-	Mua thuốc, hóa chất	17	
-	Khám, điều trị bệnh nhân	4	
-	Phòng chống tàn tật và phục hồi chức năng	21	
-	Kiểm tra, giám sát, đánh gía, vận chuyển	42	
6	***Phòng chống HIV/AIDS***	***1.659***	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS
-	Thông tin, truyền thông thay đổi hành vi	650,0	
-	Tập huấn (nâng cao năng lực và hợp tác quốc tế)	162,9	
-	Các hoạt động can thiệp giảm tác hại (cung cấp dụng cụ phòng chống nhiễm, quản lý, tư vấn…)	157,2	
-	Các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ người nhiễm	229,5	
-	Giám sát, theo dõi đánh giá chương trình	459,4	
7	***Phòng chống suy dinh dưỡng TE***	***1.814,4***	
*	*Hoạt động dự án*	*1.514,0*	TT Chăm sóc sức khỏe sinh sản
-	Thông tin tuyên truyền	137,5	
-	Tập huấn nghiệp vụ	18,2	
-	In tài liệu biểu mẫu cấp cho huyện, xã	80,0	
-	Hộ trợ DD tại cộng đồng cho bà mẹ và trẻ em	190,0	
-	Mua sắm, vận chuyển sản phẩm DD cấp cho PNCT & TE<5 tuổi SDD	152,5	
-	Hỗ trợ cân trẻ em định kỳ	125,7	
-	Thù lao cán bộ chuyên trách, CTV, CBYT	546,6	
-	Trang thiết bị thực hiện dự án	116,0	
-	Kiểm tra, giám sát đánh giá, sơ kết	147,5	
*	*Điều tra, giám sát đánh giá và triển khai ngày vì chất dinh dưỡng*	*300*	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh
8	***Dự án dân quân y kết hợp***	***92***	Sở Y tế
-	Hội nghị triển khai, sơ tổng kết	20	
-	Mua vật tư, trang thiết bị, sinh phẩm phục vụ dự án	30	
-	Huấn luyện dân quân, tự vệ (đưa vào nội dung huấn luyện)	25	
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá	17	
9	***Đầu tư XDCB***	***6.000***	Phụ biểu 2.5.3.1
II	**CTMT bảo đảm chất lượng và ATTP**	**1.052**	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh
1	**Thông tin tuyên truyền**	**205**	
-	Thông tin tuyên truyền trên phương tiện truyền thông đại chúng	40	
-	Xây dựng; in sao các ấn phẩm, sản phẩm truyền thông	60	
-	Mít tinh diễu hành tháng hành động ATVSTP	80	
-	Làm băngzôn, panô tuyên truyền	25	
2	**Nâng cao năng lực quản lý chất lượng VSATTP**	**435**	
-	Hỗ trợ hoạt động liên ngành	165	

-	Tập huấn, phổ biến kiến thức, hội thảo phổ biến, tổng kết	180	
-	Văn phòng phẩm	20	
-	Vận chuyển phục vụ thanh kiểm tra	70	
3	**Tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng ATVSTP**	**182**	
-	Tập huấn, phổ biến kiến thức về xét nghiệm và phòng chống ngộ độc thực phẩm	30	
-	Kiểm nghiệm, bảo quản mẫu	25	
-	Mua hóa chất, test kiểm tra nhanh, mẫu giám sát độc hại	100	
-	Giám sát, điều tra ngộ độc thực phẩm	27	
4	**Dự án đảm bảo ATTP và thức ăn đường phố**	**130**	
-	Xây dựng mô hình điểm ATVSTP (10 mô hình)	80	
-	Tập huấn, phổ biến kiến thức về thức ăn đường phố	50	
5	**Đảm bảo ATTP trong sản xuất và sơ chế**	**100**	
III	**Tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế (ngân sách tỉnh)**	**6.000**	Phụ biểu 2.5.3.1
IV	**CMMT quốc gia – KHHGĐ**	**8.648**	Chi cục Dân số - KHHGĐ
1	**Truyền thông giáo dục thay đổi hành vi**	**1.870**	
-	Tuyên truyền thường xuyên tuyến tỉnh, huyện, xã	905	
-	Tuyên truyền vùng trọng điểm	187	
-	Tư vấn trực tiếp và cộng đồng	96	
-	Sản xuất và nhân bản các sản phẩm truyền thống	232	
-	Hội thi tuyên truyền viên giỏi tỉnh, huyện, xã	83	
-	Chiến dịch truyền thông lồng ghép	157	
-	Bổ sung trang thiết bị truyền thông tỉnh, huyện, xã	143	
-	Tập huấn nghiệp vụ cán bộ truyền thôn tỉnh, huyện	15	
-	Đưa nội dung dân số vào chương trình đào tạo quản lý NN (Trường Chính trị)	20	
-	Giáo dục tư vấn SKSS vị thành niên trường học	32	
2	**Nâng cao chất lượng thông tin quản lý DS – KHHGĐ**	**778**	
-	In ấn biểu mẫu báo cáo TK tỉnh, huyện, xã	30	
-	Thu thập báo cáo thống kê của cộng tác viên	283	
-	Giám sát thẩm định hỗ trợ	13	
-	Thu thập thông tin	172	
-	Kết nối internet	36	
-	Mua sắm, sửa chữa bảo trì trang thiết bị, chi phí khác	194	
	Tập huấn nghiệp vụ	50	
3	**Nâng cao năng lực quản lý cán bộ dân số**	**3.425**	
-	Chính sách đình sản	74	
-	Khen thưởng	65	
-	Quản lý công tác dân số - KHHGĐ xã	2.965	
-	Điều tra khảo sát năng lực	30	
-	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cộng tác viên	175	
-	BD nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách và kế hoạch	116	

4	**Dự án nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ**	**1.907**	
-	Thuốc thiết yếu, chi phí kỹ thuật quản lý	951	
-	Triển khai chiến dịch	579	
-	Theo dõi tư vấn	31	
-	Dịch vụ chăm sóc SKSS	116	
-	Tập huấn tiêm thuốc tránh thai	10	
-	Hỗ trợ Trung tâm DS – KHHGĐ tuyến huyện	210	
-	Giám sát, đánh giá	10	
5	**Bảo đảm hậu cần và tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai**	**343**	
-	Theo dõi biện pháp tránh thai phi lâm sàng	49	
-	Trang thiết bị, kho hậu cần tuyến huyện	74	
-	Giám sát, kiểm tra cấp phương tiện tránh thai	13	
-	Đào tạo bảng kiểm viên tránh thai	159	
-	Bảo quản, vận chuyển PTTT	39	
-	Hỗ trợ thông tin báo cáo PTTT	9	
6	**Thử nghiệm mô hình nâng cao chất lượng dân số**	**325**	
-	Duy trì, mở rộng mô hình 2009 (kiểm tra sức khỏe và tư vấn tiền hôn nhân)	325	

Biểu số 2.5.3.1

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN - CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NGÀNH Y TẾ NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chương trình	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2009	Chủ dự án, chủ đầu tư
	TỔNG SỐ	**47.397**	**12.000**	
1	**Đầu tư xây dựng cơ bản – Chương trình một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/ AIDS**	**34.488**	**6.000**	
-	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	13.768	3.500	Trung tâm PC HIV/AIDS
-	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội tỉnh	3.875	500	Trung tâm PC bệnh xã hội
-	Bệnh viện tâm thần	16.845	2.000	Bệnh viện tâm thần
2	**Tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế**	**12.909**	**6.000**	
-	TTKL hoàn thành 10 trạm y tế năm 2008 và xây dựng mới 20 trạm y tế năm 2009	12.909	6.000	Sở Y tế

Phụ biểu 2.5.4

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ VĂN HOÁ NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/2008/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch 2009	Chủ dự án
	TỔNG SỐ	**16.985**	
I	**Dự án tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá**	**15.900**	Phụ biểu số 2.5.2.1
1	Vốn đầu tư phát triển	15.000	
2	Vốn sự ghiệp	900	
II	**Dự án sưu tầm, bảo tồn và phát huy di sản văn hoá phi vật thể**	**150**	
-	Sưu tầm, bảo tồn các diễn xướng dân dan người mường ở Phú Thọ	150	Sở Văn hoá thông tin
III	**Xây dựng đời sống văn hoá cơ sở**	**935**	
1	Xây dựng mô hình triển khai hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	375	
-	Cấp trang thiết bị cho đội thông tin lưu động tỉnh	95	
-	Trang thiết bị cho NVH huyện Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Ba	120	BQ 40 triệu đồng/bộ
-	Cấp trang thiết bị cho đội thông tin lưu động (Đoan Hùng, Tân Sơn)	60	BQ 30 triệu đồng/bộ
-	Bộ thiết bị cho 10 nà văn hóa khu dân cư: Khu 2, khu 3 sứ Minh Xương (xã Tuy Lộc, Cẩm Khê); Khu 3 xã Hợp Hải, Khu 2 xã Xuân Huy (Lâm Thao); khu 4 xã Tiên Du (Phù Ninh);khu 3 xã Bằng Luân (Đoan Hùng);Khu 1 xã La Phù (Thanh Thủy); thôn Nỗ Lực xã Thụy Vân (Việt Trì); Khu 4 xã Thu Cúc (Thanh Sơn)	100	BQ 10 triệu đồng/bộ
2	Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở	230	
-	Cấp trang tiết bị cho 5 NVH xã: Văn Lang (Hạ Hòa) Chân Mộng (Đoan Hùng); thị trấn Hùng Sơn (Lâm Thao); Cổ Tiết (Tam Nông); Đông Thành (Thanh Ba)	75	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (BQ 15 triệu đồng/bộ)
-	Khen thưởng, biểu dương đơn vị điển hìn, tiêu biểu	30	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
-	Tập huấn cán bộ văn hóa cơ sở	75	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
-	Hỗ trợ XD nhà văn hóa Yên Sơn	50	UBND xã Yên Sơn (Thanh Sơn)
4	Dự án làng bản, buôn có hoàn cảnh đặc biệt	30	
-	DA củng cố phát triển hệ thống thư viện	150	Thu viện khoa học tỉnh
-	Cấp sách cho 10 thư viện 10 huyện miền núi	100	
	Bổ sung kho sách lưu động	50	
5	Cung cấp thiết bị và sản phẩm văn hóa thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số	150	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Phụ biểu 2.5.4.1

DỰ ÁN TÔN TẠO DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ VĂN HOÁ NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chương trình, dự án	Tổng dự toán được duyệt	Kế hoạch 2009	Chủ dự án
	TỔNG SỐ	**171.914**	**15.900**	
I	**Vốn đầu tư phát triển**	**166.844**	**15.000**	
1	Đền thượng khu DTLS Đền Hùng	35.707	5.000	Khu DTLS Đền Hùng
2	Đền thờ Lạc Long Quân	7.772	3.000	Khu DTLS Đền Hùng
3	Đình Lâu Thượng (Việt Trì)	10.115	1.750	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
4	Chùa Bồng Lai xã Hà Thạch (TX Phú Thọ)	29.421	2.500	UBND thị xã Phú Thọ
5	Khu di tích khảo cổ học Làng Cả (Việt Trì)	54.869	800	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
6	Chùa Phúc Khánh (Hương Nộn, Tam Nông)	4.500	500	UBND huyện Tam Nông
7	Đền Lăng Sương (Thanh Thủy)	17.650	300	UBND huyện Thanh Thủy
8	Đình Đông xã Văn Lang (Hạ Hòa)	800	200	UBND xã Văn Lang
9	Chùa Hương Sơn (Hương Xạ, Hạ Hòa)	800	100	UBND xã Hương Xạ
10	Chùa Cam Khổ (Phú Lạc, Cẩm Khê)	700	100	UBND xã Phú Lạc
11	Chùa Vĩnh Ninh (thị trấn Lâm Thao)	550	150	UBND thị xã Lâm Thao
12	Chùa Viên Sơn (Vĩnh Phú, Phù Ninh)	1.550	200	UBND xã Vĩnh Phú
13	Đình Thạch Khoán (Thanh Sơn)	950	100	UBND xã Thạch Khoán
14	Đền Quách Gia Nương (Bạch Hạc, Việt Trì)	400	100	UBND phường Bạch Hạc
15	Đình Trình Khúc (Văn Khúc, Cẩm Khê)	500	100	UBND xã Văn Khúc
16	Chùa Lâm Nghiã (thị trấn Lâm Thao)	560	100	UBND thị trấn Lâm Thao
II	**Vốn vì sự nghiệp**	**5.070**	**900**	**UBND thị xã Phú Thọ**
1	Đình Sơn Vi (LâmThao)	1.100	100	UBND xã Sơn Vi
2	Di tích Khảo cổ học Gò Mun		100	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
3	Di tích đền chùa Chu Hưng	1.760	100	UBND xã Ấm Hạ
4	Đền Lời xã Vĩnh Lại (Lâm Thao)	560	100	UBND xã Vĩnh Lại
5	Đình Mạo Phố xã Lương Lỗ (Thanh Ba)		100	UBND xã Lương Lỗ
6	Chùa Khánh Long (thị xã Phú Thọ)	600	100	UBND thị xã Phú Thọ
7	Đình Hương Trầm (Dữu Lâu, Việt Trì)		100	UBND phường Dữu Lâu
8	Đình, Chùa, Mộ Chu Hạ, Thượng Bạch Hạc (Việt Trì)	400	100	UBND phường Bạch Hạc
9	Chùa Nguyệt Quang (Tử Đà, Phù Ninh)	650	100	UBND xã Tử Đà

Biểu số 2.5.5

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC ĐÀO TẠO- NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch 2009	Chủ đầu tư, chủ dự án
	TỔNG SỐ	**69.000**	
1	**Xóa mù chữ, phổ cập tiểu học và trung học**	**2.000**	
*	***Xóa mù chữ (1)***	**70**	
-	Điều tra, tổ chức lớp	20	Phòng GD ĐT huyện Thanh Sơn
-	Điều tra, tổ chức lớp	15	Phòng GD ĐT huyện Tân Sơn
-	Điều tra, tổ chức lớp	15	Phòng GD ĐT huyện Yên Lập
-	Hỗ trợ các lớp dạy chữ nổi BRAILL	20	Hội người mù tỉnh Phú Thọ
*	***Duy trì, củng cố phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS* (1)**	***380***	
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	40	Phòng GD ĐT huyện Thanh Sơn
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	50	Phòng GD ĐT huyện Tân Sơn
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	40	Phòng GD ĐT huyện Yên Lập
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	30	Phòng GD ĐT huyện Cẩm Khê
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	30	Phòng GD ĐT huyện Hạ Hòa
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	40	Phòng GD ĐT huyện Thanh Thủy
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	30	Phòng GD ĐT huyện Đoan Hùng
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	20	Phòng GD ĐT huyện Tam Nông
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	20	Phòng GD ĐT huyện Thanh Ba
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	20	Phòng GD ĐT huyện Phù Ninh
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	20	Phòng GD ĐT huyện Lâm Thao
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	20	Phòng GD ĐT thị xã Phú Thọ
-	Điều tra, tổ chức lớp và hỗ trợ dạy bổ túc	20	Phòng GD ĐT thành phố Việt Trì
*	***Sở Giáo dục và Đào tạo***	***1.550***	Sở Giáo dục - Đào tạo
-	Tổ chức điều tra, tập huấn, kiểm tra, tổng kết… XMC, PCGDTH và THCS	50	
-	Triển khai phổ cập giáo dục bậc trung học	1.500	
+	Hỗ trợ dạy bổ túc văn hóa THPT	1.000	

+	Hướng dẫn, tập huấn, điều tra…	4.000	
+	Chỉ đạo, kiểm tra, sơ kết,…	100	
2	**Đổi mới nội dung SGK và thí điểm THPT**	**6.000**	
-	Mua thiết bị dạy học và sách giáo khoa, sách giáo viên, sách thư viện cho các trường, lớp đã thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa.	5.920	Sở Giáo dục - Đào tạo
	Hỗ trợ dạy thí điểm THPT Kỹ thuật Việt Trì	80	Trường THPT Kỹ thuật Việt Trì
3	**Đào tạo cán bộ, giáo viên tin học**	**3.500**	
a	***Trang bị máy vi tính, phần mềm và trang bị cho các trờng, cơ quan quản lý giáo dục để thực hiện triển khai dạy tin học, kết nối Internet và ứng dụng CNTT trong công tác QLLĐ*** (hỗ trợ 14 trường mầm non về máy tính, máy in và bộ đồ dùng dạy học KIDSMART)	***2.400***	Sở Giáo dục - Đào tạo
b	***Tăng còng mạng Lan và trang Website phần mềm, cổng thông tin điện tử GD&ĐT***	***196***	Sở Giáo dục và đào tạo
c	***Đào tạo bồi dưỡng giáo viên***	***904***	Trung tâm ngoại ngữ tin học
-	Tập huấn nối mạng, truy cập Internet	180	(225 người – 9 lớp)
-	Bồi dưỡng trình độ tin học B cho GV	84	(175 người - 7 lớp)
-	Bồi dưỡng trình độ tin học A cho GV	120	(250 người – 10 lớp)
-	Bồi dưỡng giáo viên dạy tin học các trường phổ thông	40	(40 người - 2 lớp)
-	Bồi dưỡng lập trình xây dựng trang Website	80	(80 ngời – 4 lớp)
-	Kỹnăng soạn giáo án điện tử	300	(375 người - 20 lớp)
-	Bồi dưỡng trình độ tin học và ứng dụng mạng cho nhân viên văn thư trường học	10	(100 người – 2 lớp)
-	Hội thảo về ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học	30	(20 người - 2 lớp)
-	Kỹ thuật lắp ráp, cài đặt, sửa chữa máy tính	60	(75 người – 5 lớp)
4	**Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý và tăng c-ường cơ sở vật chất các trường sư phạm**	**2.000**	Sở Giáo dục và đào tạo
-	Tập huấn, bồi dưỡng GV&CBQL các trường mầm non	300	
-	Tập huấn, bồi dưỡng GV&CBQL các trường Tiểu học	500	
-	Tập huấn, bồi dưỡng GV&CBQL các trường THCS	840	
-	Tập huấn, bồi dưỡng GV&CBQL các trường THPT và các trung tâm GDTX, KTTH - HN	360	
5	**Hỗ trợ giáo dục miền núi và dân tộc (1)**	**11.000**	Theo phụ biểu 2.5.5.1
*	***Các trường dân tộc nội trú***	**6.720**	
*	***Các Trường THPT, Trung tâm GDTX miền núi có học sinh dân tộc.***	***4.280***	
6	**Tăng còng CSVC Trường học**	**32.000**	
a	***Thanh toán các công trình phục vụ HKPĐ***	***8.000***	Quyết định phân bổ sau
b	***Đầu tư trang thiết bị Trường Cao đẳng Y tế***	***2.000***	Trường cao đẳng Y tế Phú Thọ
c	***Tăng cường CSVC trường học***	***19.500***	Theo phụ biểu 2.5.5.2
-	Hỗ trợ thanh tóan khối lượng xây dựng hoàn thành	16.150	
-	Hỗ trợ xây dựng	3.350	
d	**Hỗ trợ theo Nghị quyết 79/HĐND Tỉnh**	**2.500**	
-	Hỗ trợ xây dựng nhà lớp học – Trường THPT Nguyễn Tất Thành	1.100	Trường THPT Nguyễn Tất Thành
-	Hỗ trợ xây dựng nhà lớp học – Trường THPT Nguyễn Huệ	1.100	Trường THPT Nguyễn

			Huệ
-	Hỗ trợ CSVC – Trung tâm học tập cộng đồng xã Sơn Dương	300	UBND xã Sơn Dương (Lâm Thao)
7	**Dự án nâng cao năng lực đào tạo nghề**	**12.500**	
*	***Đầu tư tăng cường CSVC, thiết bị cơ sở dạy nghề***	***7.900***	
-	Trường cao đẳng nghề tỉnh	3.000	Trường cao đẳng nghề tỉnh
-	Trung tâm dạy nghề tỉnh	3.800	Trung tâm dạy nghề tỉnh
	+ Trong đó: Hỗ trợ CSVC, Thiết bị đường sông	3.000	
-	Trung tâm dạy nghề Thanh Sơn	1.100	Trung tâm dạy nghề Thanh Sơn
*	***Dạy nghề cho đối tượng đặc thù***	***4.000***	Theo phụ biểu 2.5.5.3
*	Xây dựng giáo trình và BD cán bộ quản lý, giáo viên	500	Sở Lao động TB & XH
*	Quản lý đánh giá, giám sát thực hiện chơng trình	100	Sở Lao động TB & XH

Ghi chú: (1): Chủ đầu tư là các đơn vị: Sở Giáo dục đào tạo, phòng Giáo dục đầo tạo các huyện,
Trường THPT, Trung tâm KTTH- HN, Trung tâm GDTX, Trườg DTNT, Hội người mù tỉnh

Phụ biểu 2.5.5.1

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ GIÁO DỤC MIỀN NÚI VÀ DÂN TỘC NĂM 2009 NGUỒN VỐN CTMT QUỐC GIA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**28.382**	**11.000**	
1	**Các trường dân tộc nội trú**	**12.020**	**6.720**	
-	Thanh toán KLHT xưởng thực hành , sân vườn, sân thể thao; XD nhà lớp học chức năng 2 tầng, cải tạo nhà ăn – Trường THPT DTNT tỉnh	3.370	1.870	Trường THPT dân tộc nội trú tỉnh
-	Thanh toán KLHT nhà KTX – Trường DTNT Thanh Sơn	2.700	1.400	Trường dân tộc nội trú Thanh Sơn
-	Thanh toán KLHT nhà ăn, nhà bếp, nhà điều hành, sân vườn, tường rào – Trường DTNT Yên Lập	2.800	1.400	Trường dân tộc nội trú Yên Lập
-	Thanh toán cải tạo nhà lớp học 3 tầng – Trường DTNT Đoan Hùng	1.450	850	Trường dân tộc nội trú Đoan Hùng
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng – Trường DTNT Tân Sơn (thành lập trường)	1.700	1.200	Trường dân tộc nội trú Tân Sơn
2	**Các trường THPT, các trung tâm GDTX miền núi có học sinh dân tộc**	**16.362**	**4.280**	
-	Thanh toán nhà điều hành, nhà công vụ giáo viên – Trường THPT Văn Miếu	1.290	350	Trường THPT Văn Miếu (Thanh Sơn)
-	Thanh toán nhà điều hành, nhà công vụ giáo viên – Trường THPT Yên Lập	2.309	400	Trường THPT Yên Lập (Yên Lập)
-	Xây dựng nhà điều hành – Trường THPT Minh Hòa	1.000	500	Trường THPT Minh Hòa (Yên Lập)
-	Thanh toán nhà điều hành – Trường THPT Lương Sơn	1.300	700	Trường THPT Lương Sơn (Yên Lập)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THPT Hương Cần	1.125	180	Trường THPT Hương Cần (Thanh Sơn)
-	TT nhà học chức năng; XD nhà lớp học 2 tầng – Trường THPT Thanh Sơn	3.037	600	Trường THPT Thanh Sơn (Thanh Sơn)
-	Thanh toán nhà thí nghiệm,thư viện – Trường THPT Minh Đài	814	300	Trường THPT Minh Đài (Tân Sơn)
-	Thanh toán nhà điều hành 2 tầng – Trường THPT Thạch Kiệt	1.655	600	Trường THPT Thạch Kiệt (Tân Sơn)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THPT Thạch Khoán	1.120	300	Trường THPT Thạch Khoán (Thanh Sơn)
-	Thanh toán nhà lớp học + chức năng 2 tầng – Trung tâm GDTX Yên Lập	2.712	350	Trung tâm GDTX Yên Lập (Yên Lập)

Phụ biểu 2.5.5.2

CHƯƠNG TRÌNH TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG HỌC NĂM 2009 NGUỒN VỐN CTMT QUỐC GIA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**81.608**	**19.500**	
1	**Hỗ trợ thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành**	**69.708**	**16.150**	
-	Thanh toán nhà điều hành, nhà bộ môn Trường THPT Xuân Áng	1.816	550	Trường THPT Xuân Áng
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng Trường THPT Phong Châu	1.788	600	Trường THPT Phong Châu
-	Thanh toán san nền, kè đá đường vào Trường THPT Thanh Thủy	3.928	600	Trường THPT Thanh Thủy
-	Thanh toán nhà chức năng 2 tầng Trường THPT Phương Xá	1.450	600	Trường THPT Phương Xá
-	Thanh toán nhà lớp hoach 2 tầng Trường THPT Trung Nghĩa	1.690	550	Trường THPT Trung Nghĩa
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng Trường THPT Tử Đà	1.934	600	Trường THPT Tử Đà
-	Thanh toán nhà xưởng thực hành Trường THPT KT Việt Trì	3.200	600	Trường THPT Kỹ thuật Việt Trì
-	Thanh toán khối lượng hoàn thành nhà lớp học, nhà bộ môn - Trường THPT Đoan Hùng	1.700	600	Trường THPT Đoan Hùng
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng - Trường THPT Phù Ninh	2.677	600	Trường THPT Phù Ninh
-	Thanh toán nhà lớp học 3 tầng - Trường THPT CN Việt Trì	2.600	300	Trường THPT Công nghiệp Việt Trì
-	Thanh toán KLHT nhà lớp học - Trường Mầm non Hòa Phong (1)	2.455	650	Trường Mầm non Hòa Phong (V. Trì)
-	Thanh toán KLHT nhà lớp học – Trung tâm GDTX Lâm Thao.	1.220	400	Trung tâm GDTX Lâm Thao.
-	Thanh toán KLHT nhà lớp học – Trung tâm GDTX Tam Nông	1.903	500	Trung tâm GDTX Tam Nông
-	Thanh toán nhà lớp học; xây dựng nhà thí nghiệm – Trung tâm GDTX – KTTHN Thanh Sơn	2.700	600	Trung tâm GDTX – KTTHN Thanh Sơn
-	Thanh toán nhà lớp học đa chức năng – Trung tâm GDTX Việt trì	3.850	400	Trung tâm GDTX Việt trì
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trung tâm GDTX Thanh Ba	1.280	200	Trung tâm GDTX Thanh Ba
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trung tâm GDTX Cẩm Khê	934	150	Trung tâm GDTX Cẩm Khê
-	Thanh tóan nhà lớp học, san nền, nhà điều hành + Thư viện, chống mối –Trung tâm KTTH – HN tỉnh	2.764	350	Trung tâm KTTH – HN tỉnh

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Ghi chú
-	Thanh tóan nhà lớp học2 tầng 4P –Trung tâm KTTH – HN Cẩm Khê	894	350	Trung tâm KTTH – HN Cẩm Khê
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng 8P – Trường THCS Tam Cường	977	200	UBND xã Tam Cường (Tam Nông)
-	Thanh toán nhà điều hành – Trường THCS Vĩnh Chân	980	400	UBND xã Vĩnh Chân (Hạ Hòa)
-	Thanh toán KLHT nhà điều hành – Trường THCS Thạch Sơn	960	300	UBND xã Thạch Sơn (Lâm Thao)
-	Thanh toán KLHT nhà điều hành – Trường THCS Sơn Dương	1.450	360	UBND xã Sơn Dương (Lâm Thao)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THCS Lang Sơn	1.350	400	UBND xã Lang Sơn (Hạ Hòa)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THCS Yên Luật	970	140	UBND xã Yên Luật (Hạ Hòa)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THCS Phúc Lai	1.460	200	UBND xã Phúc Lai (Đoan Hùng)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THCS Hùng Long	1.670	250	UBND xã Hùng Long (Đoan Hùng)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THCS Hùng Quan	1.670	250	UBND xã Hùng Quan (Đoan Hùng)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THCS Bảo Yên	1.401	100	UBND xã Bảo Yên (Thanh Thủy)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THCS Tam Sơn	1.125	300	UBND xã Tam Sơn (Cẩm Khê)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường THCS Vĩnh Lại	1.120	300	UBND xã Vĩnh Lại (Lâm Thao)
-	Thanh toán nhà lớp học – Trường Tiểu học Hương Xạ	1.270	300	UBND xã Hương Xạ (Hạ Hòa)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường TH Phương Trung	1.110	400	UBND xã Phương Trung (Đoan Hùng)
-	Thanh toán nhà lớp học– Trường tiểu học Hoàng Cương	1.189	300	UBND xã Hoàng Cương (Thanh Ba)
-	Thanh toán nhà điều hành – Trường tiểu học Bản Nguyên	639	200	UBND xã Bản Nguyên (Lâm Thao)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường tiểu học Tứ Xã	1.850	300	UBND xã Tứ Xã (Lâm Thao)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường tiểu học Tử Đà	1.656	500	UBND xã Tử Đà (Phù Ninh)
-	Thanh toán nhà lớp học 2 tầng – Trường tiểu học Phú Hộ 2	1.420	300	UBND xã Phú Hộ (Thị xã Phú Thọ)
-	Thanh toán nhà lớp học – Trường mầm non Ấm Hạ	950	400	UBND xã Ấm Hạ (Hạ Hòa)
-	Thanh toán nhà lớp học – Trường mầm non Vụ Cầu	749	300	UBND xã Vụ Cầu (Hạ Hòa)
-	Thanh toán nhà lớp học – Trường mầm non (khu A) Tứ Xã	2.130	350	UBND xã Tứ Xã (Lâm Thao)
-	Thanh toán nhà lớp học – Trường mầm non thị trấn Lâm Thao	830	400	UBND xã thị trấn Lâm Thao
2	**Hỗ trợ xây dựng (2)**	**11.890**	**3.350**	

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	TMĐT hoặc TDT được duyệt	Kế hoạch 2009	Ghi chú
-	Hỗ trợ xây dựng nhà điều hành – Trường THPT Quế Lâm	1.600	450	Trường THPT Quế Lâm
-	Hỗ trợ xây dựng nhà hội trường – Trường CB QLGD tỉnh	2.340	500	Trường CB QLGD tỉnh
-	Hỗ trợ xây dựng nhà điều hành – Trung Tâm GDTX Thanh Thủy	1.000	450	Trung Tâm GDTX Thanh Thủy
-	Hỗ trợ xây dựng nhà điều hành – Trung tâm GDTX Đoan Hùng	1.000	400	Trung tâm GDTX Đoan Hùng
-	Hỗ trợ xây dựng nhà lớp học – Trung tâm KTTH – HN Phú Thọ	1.800	400	Trung tâm KTTH – HN Phú Thọ
-	Hỗ trợ xây dựng nhà lớp học – Trung tâm KTTH – HN Đoan Hùng	1.600	450	Trung tâm KTTH – HN Đoan Hùng
-	Hỗ trợ xây dựng nhà điều hành – Trung tâm KTTH – NH Lâm Thao	1.500	400	Trung tâm KTTH – NH Lâm Thao
-	Hỗ trợ xây dựng nhà học bộ môn – Trường THCS Kinh Kệ	1.050	300	Trường THCS Kinh Kệ (Lâm Thao)

Ghi chú: (1) Trường mầm non hòa Phong đã bố trí 1.200 triệu đồng, trong đó: Vốn CTMT là 1.100 triệu đồng (năm 2007: 800 triệu đồng, năm 2008: 300 triệu đồng); vốn huy động 100 triệu đồng. Năm 2009 tiếp tục bố trí từ 2 nguồn vốn là 1.650 triệu đồng (CTMT 650 tr.đ, vốn kiên cố hóa và đối ứng dự kiến 1.000tr.đ).

(2) Mức hỗ trợ: Đối với các đơn vị thuộc tỉnh quản lý không quá 80%; các đơn vị thuộc huyện quản lý hỗ trợ tối đa không quá 60%.

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Tân Sơn dự kiến bố trí vốn chuẩn bị đầu tư lập dự án năm 2009 để khởi công xây dựng năm 2010.

Phụ biểu 2.5.5.3

KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ CHO NÔNG DÂN, DÂN TỘC VÀ NGƯỜI TÀN TẬT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÁO DỤC DẢO TẠO NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	ĐƠN VỊ	Kế hoạch 2009	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	**4.000**	
1	**Trường cao đẳng Nghề Phú Thọ**	**300**	*CĐT: Trường CĐ nghề*
-	Điện dân dụng	84	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Hàn điện	84	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	May công nghiệp	84	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Mộc dân dụng	48	40 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
2	**Trung tân dạy nghề tỉnh**	**900**	*CĐT: TT dạy nghề*
-	Cơ khí	150	120 học sinh, 3 lớp, 4 tháng/lớp
-	Dệt may	120	100 học sinh, 3 lớp, 4 tháng/lớp
-	Thủ công mỹ nghệ	160	180 học sinh, 5 lớp, 4 tháng/lớp
-	Chăn nuôi thú y	160	180 học sinh, 5 lớp, 3 tháng/lớp
-	Trồng trọt, BVTV	150	180 học sinh, 5 lớp, 3 tháng/lớp
-	Thủy sản	160	180 học sinh, 5 lớp, 3 tháng/lớp
3	**Trung tâm giới thiệu việc làm**	**400**	*CĐT: TT GTVL tỉnh*
-	Cơ khí, sửa chữa máy công cụ	84	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Dệt thổ cẩm	84	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Thêu ren	82	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Thủ công mỹ nghệ	150	120 học sinh, 3 lớp, 4 tháng/lớp
4	**Trung tâm dạy nghề Thanh Sơn**	**900**	*CĐT: TT dạy nghề Thanh Sơn*
-	May công nghiệp	70	60 học sinh,2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Chăn nuôi thú y	160	130 học sinh, 4 lớp, 4 tháng/lớp
-	Trồng trọt, BVTV	160	140 học sinh, 4 lớp, 4 tháng/lớp
-	Thêu ren	100	90 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Điện dân dụng	84	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp

-	Thủ công mỹ nghệ	100	90 học sinh, 3 lớp, 4 tháng/lớp
-	Lâm sinh	60	70 học sinh, 3 lớp, 3 tháng/lớp
-	Dệt thổ cẩm	80	70 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	SX chổi chít	50	70 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
-	Cơ khí	36	30 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
5	**Trường TH nông lâm Phú Thọ**	**400**	*CĐT: TT GTVL tỉnh*
-	Chăn nuôi thú y	160	180 học sinh, 5 lớp, 3 tháng/lớp
-	Trồng trọt, BVTV	180	210 học sinh, 6 lớp, 3 tháng/lớp
-	Nuôi trồng thủy sản	60	70 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
6	**TT dạy nghề và hỗ trợ việc làm ND**	**200**	*CĐT: TT DN HTVL Nông dân*
-	Chăn nuôi thú y	60	70 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
-	Trồng rau an toàn	54	60 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
-	Chế biến lâm sản	32	30 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
-	Thâm canh, chế biến bảo quản chè	54	60 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
7	**TT dạy nghề và GTVL phụ nữ**	**150**	*CĐT: TT DN và GTVL phụ nữ*
-	May công nghiệp	35	30 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
-	Trồng trọt, BVTV	45	50 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
-	Chăn nuôi thú y	45	50 học sinh, 2 lớp, 3 tháng/lớp
-	Thủ công mỹ ngệ	25	30 học sinh, 1 lớp, 3 tháng/lớp
8	**TT đào tạo và GTVL LĐLĐ tỉnh**	**150**	*CĐT: TT ĐT và GTVL LĐLĐ*
-	May công nghiệp	42	40 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
-	Cơ khí, hàn điện	36	30 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
-	Sửa chữa thiết bị may	36	30 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
-	Điện dân dụng	36	30 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
9	**TT HĐ TTN DN Hùng Vương**	**150**	*CĐT: TT HĐ TTN DN H.Vương*
-	Cơ khí gò hàn	60	50 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Nề xây trát	60	50 học sinh, 2 lớp, 4 tháng/lớp
-	Điện dân dụng	30	25 học sinh, 1 lớp, 4 tháng/lớp
10	**Sở Lao động Thương binh và Xã hội**	**450**	*CĐT: TT HĐ TTN DN H.Vương*
-	Dạy nghề cho người tàn tật	400	*CĐT: Sở LĐTB&XH*
-	Quản lý, giám sát chương trình	50	*Sở LĐTB&XH*

Phụ biểu 2.5.6

CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM- NĂM 2009

Kèm theo Nghị quyết số 162/2008/NQ- HĐND ngày16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch 2009	Chủ dự án, chủ đầu tư
	TỔNG SỐ	**1 050**	Công an tỉnh Phú Thọ
1	**Tuyên truyền giáo dục**	**185**	
-	Các sở, ngành, tổ chức đoàn thể	105	
-	Các huyện, thành, thị	80	
2	**Đấu tranh triệt phá ổ nhóm**	**645**	
-	Công an tỉnh	345	
-	Các huyện, thành, thị	300	
3	**Triển khai tổ chức thực hiện đề án**	**80**	20 triệu đồng/đề án
-	Công an tỉnh (02 đề án)	40	
-	Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh (01 đề án)	20	
-	Sở Tư pháp (01 đề án)	20	
4	**Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát**	**40**	
-	Công an tỉnh	40	
5	**Văn phòng phẩm, sửa chữa phương tiện, khen thưởng**	**100**	
-	Công an tỉnh	70	
-	Các huyện, thành, thị	30	

Phụ biểu 2.5.7

CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG MA TÚY, MẠI DÂM, BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM- NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162 /2008/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch 2009	Chủ dự án
	TỔNG SỐ		
I	**Chương trình phòng chống ma túy**	**2.000**	
1	**Hoạt động phòng chống ma túy**	**850**	Công an tỉnh
-	Tuyên truyền, giáo dục tập huấn	180	
-	Đấu tranh, triệt phá, lập hồ sơ đối tượng	550	
-	Kiểm tra, giám sát	70	
-	Văn phòng phẩm, đánh giá chương trình	50	
2	**Tổ chức cai nghiện bắt buộc và cộng đồng**	**1.150**	
-	Cai nghiện bắt buộc 400 đối tượng tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh	900	Trung tâm giáo dục LĐXH tỉnh
-	Tuyên truyền, cai nghiện cộng đồng và quản lý sau cai nghiện	200	Chi cục phòng chống TNXH tỉnh
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá	50	Chi cục phòng chống TNXH tỉnh
II	**Chương trình phòng chống mại dâm**	**400**	
-	Bổ sung cai nghiện bắt buộc 400 đối tượng	400	Trung tâm giáo dục LĐXH tỉnh
III	**Chương trình phòng chống mại dâm**	**400**	(Ngân sách tỉnh)
-	Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ đối tượng	50	Công an tỉnh Phú Thọ
-	Chữa trị dạy nghề tại Trung tâm giáo dục LĐ- XH tỉnh 60 đối tượng	130	Trung tâm Giáo dục LĐ- XH tỉnh
-	Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát	100	Chi cục phòng chống TNXH tỉnh
-	Tiếp nhận và ngăn chặn tình trạng buôn bán phụ nữ, trẻ em (theo Quyết định 130QĐ-TTg)	120	
-	Tiếp nhận phụ nữ trẻ em từ nước ngoài trở về	20	Chi cục phòng chống TNXH tỉnh
-	Triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em	100	Công an tỉnh Phú Thọ
IV	**Bảo vệ và chăm sóc trẻ em**	**100**	(Ngân sách tỉnh)
-	Mục tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật	20	Công an tỉnh Phú Thọ
-	Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	80	Sở Lao động TB&XH
V	**Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, TE bị xâm hại tình dục và TE phải LĐ nặng nhọc, nguy hiểm**	**250**	Sở Lao động TB&XH

-	Truyền thông vận động và nâng cao năng lực quản lý	100	
-	Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em phải lao động nặng nhọc, nguy hiểm	150	

Ghi chú: (1) Cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm GDLĐXH tỉnh 400 đối tượng bố trí 1.300 triệu đồng, trong đó vốn CTMT quốc gia phòng chống ma túy 900 triệu đồng, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách TW Đề án 06 là 400 triệu đồng.

Biểu số 2.5.8

CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2009	Ghi chú (chủ đầu tư)
	TỔNG SỐ	**84.085**	
I	**Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng**	**60.500**	**(1)**
1	**Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK**	**34.400**	
-	Huyện Tân Sơn (14 xã)	11.195	
-	Huyện Thanh Sơn (09xã)	6.985	
-	Huyện Thanh Thủy (02 xã)	1.350	
-	Huyện Yên Lập (12 xã)	10.430	
-	Huyện Hạ Hòa (01 xã)	730	
-	Huyện Đoan Hùng (05 xã)	3.710	
2	**Đầu tư CSHT thôn, bản ĐBKK (090 thôn)**	**26.100**	Phụ biểu 2.5.8.3
-	Huyện Tân Sơn (07 thôn, 02 xã)	950	
-	Huyện Thanh Sơn (23 thôn, 08 xã)	3.300	
-	Huyện Thanh Thủy (20 thôn, 08 xã)	2.910	
-	Huyện Yên Lập (19 thôn, 05 xã)	2.380	
-	Huyện Hạ Hòa (11 thôn, 07 xã)	1.650	
-	Huyện Đoan Hùng (24 thôn, 20 xã)	3.500	
-	Huyện Cẩm Khê (64 thôn, 20 xã)	8.510	
-	Huyện Thanh Ba (09 thôn, 08 xã)	1.280	
-	Huyện Tam Nông (13 thôn, 03 xã)	1.620	
II	**Hỗ trợ sản xuất**	**13.820**	(2)
1	**Xây dựng mô hình phát triển sản xuất**	**600**	Chi cục HTX và PTNT tỉnh
-	Trồng keo sen mây nếp xã Thu Cúc (Tân Sơn)	150	
-	Trồng keo sen mây nếp xã Tất Thắng (Thanh Sơn)	150	
-	Trồng keo sen mây nếp xã Phúc Lai (Đoan Hùng)	150	
-	Trồng keo sen mây nếp xã Xuân Thủy (Yên Lập)	150	
2	**Các xã ĐBKK (43 xã)**	**8.000**	(1)
-	Huyện Tân Sơn (14 xã)	2.680	
-	Huyện Thanh Sơn (09xã)	1.543	
-	Huyện Thanh Thủy (02 xã)	314	
-	Huyện Yên Lập (12 xã)	2.423	
-	Huyện Hạ Hòa (01 xã)	170	
-	Huyện Đoan Hùng (05 xã)	870	

Số TT	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2009	Ghi chú (chủ đầu tư)
3	**Các thôn bản ĐBKK (190 thôn)**	**5.220**	Phụ biểu 2.5.8.3 (1)
-	Huyện Tân Sơn (07 thôn, 02 xã)	660	
-	Huyện Thanh Sơn (23 thôn, 08 xã)	190	
-	Huyện Thanh Thủy (20 thôn, 08 xã)	478	
-	Huyện Yên Lập (19 thôn, 05 xã)	700	
-	Huyện Hạ Hòa (11 thôn, 07 xã)	580	
-	Huyện Đoan Hùng (24 thôn, 20 xã)	330	
-	Huyện Cẩm Khê (64 thôn, 20 xã)	1.700	
-	Huyện Thanh Ba (09 thôn, 08 xã)	258	
-	Huyện Tam Nông (13 thôn, 03 xã)	324	
III	**Hỗ trợ các dịch vụ cải thiện đời sống và trợ giúp pháp lý**	**346**	(3)
1	**Các xã ĐBKK (43 xã)**	**172**	Bình quân 4 triệu đồng/xã
-	Huyện Tân Sơn (14 xã)	56	
-	Huyện Thanh Sơn (09xã)	36	
-	Huyện Thanh Thủy (02 xã)	8	
-	Huyện Yên Lập (12 xã)	48	
-	Huyện Hạ Hòa (01 xã)	4	
-	Huyện Đoan Hùng (05 xã)	20	
2	**Các thôn bản ĐBKK (190 thôn)**	**174**	(1)
-	Huyện Tân Sơn (07 thôn, 02 xã)	6	Bình quân 1 triệu đồng/thôn, bản
-	Huyện Thanh Sơn (23 thôn, 08 xã)	21	
-	Huyện Thanh Thủy (20 thôn, 08 xã)	19	
-	Huyện Yên Lập (19 thôn, 05 xã)	16	
-	Huyện Hạ Hòa (11 thôn, 07 xã)	11	
-	Huyện Đoan Hùng (24 thôn, 20 xã)	24	
-	Huyện Cẩm Khê (64 thôn, 20 xã)	57	
-	Huyện Thanh Ba (09 thôn, 08 xã)	9	
-	Huyện Tam Nông (13 thôn, 03 xã)	11	
IV	**Đào tạo cán bộ xã, thôn, bản ĐBKK**	**5.190**	Phụ biểu 2.5.8.1
V	**Duy tu bảo dưỡng các công trình sau đầu tư**	**3.811**	Phụ biểu 2.5.8.2
VI	**Hỗ trợ Ban chỉ đạo, Ban điều hành CT 135**	**418**	
-	Ban chỉ đạo điều hành chương trình135 tỉnh	140	Ban dân tộc tỉnh
	Ban chỉ đạo các CTMT tỉnh	90	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Chi cục HTX và PTNT tỉnh	50	Chi cục HTX và PTNT tỉnh
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Tân Sơn	26	
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Thanh Sơn	26	
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Thanh Thủy	26	
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Yên Lập	15	

Số TT	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2009	Ghi chú (chủ đầu tư)
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Hạ Hòa	10	
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Đoan Hùng	5	
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Cẩm Khê	20	
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Thanh Ba	5	
-	Ban chỉ đạo CT135 huyện Tam Nông	5	

Ghi chú: (1) Giao cho UBND xã làm chủ đầu tư. Trường hợp xã không đủ năng lực phải có văn bản của xã đề nghị UBND huyện, huyện giao cho Ban quản lý dự án chương trình 135 là chủ đầu tư

(2) Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật.

(3) Hỗ trợ các dịch vụ cải thiện đời sống và trợ giúp pháp lý: Giao cho UBND xã làm chủ đầu tư:

- Đối với xã ĐBKK: Hỗ trợ bình quân 4 triệu đồng/xã, trong đó trợ giúp pháp lý 2 triệu đồng/xã; hỗ trợ văn hóa 2 triệu đồng/xã.

- Đối với thôn bản ĐBKK: Hỗ trợ bình quân 1 triệu đồng/xã, trong đó trợ giúp pháp lý 0,5triệu đồng/xã; hỗ trợ văn hóa 0,5 triệu đồng/xã. Mỗi xã hỗi trợ tối đa 4 thôn, bản; những xã có từ 5 thôn bản trở lên thì lựa chọn 4 thôn khó khăn hơn để thực hiện (174/190 thôn).

* Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn triển khai thực hiện

Biểu số 2.5.8.1

DỰ ÁN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÃ, THÔN BẢN ĐBKK CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch 2009	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**5.190**	
I	**Bồi dưỡng cán bộ xã, thôn, bản**	**3.483,5**	
1	**Ban dân tộc tỉnh**	**1.839,5**	
a	Biên soạn bổ sung giáo trình, in tài liệu	87,5	
b	Bồi dưỡng cán bộ xã (kể cả xã có thôn ĐBKK)	1.752	22 lớp 1.540 học viên
-	Bồi dưỡng cán bộ chuyên trách xã	586	08 lớp, 560 học viên (05 ngày)
-	Bồi dưỡng cán bộ chủ đầu tư	442	06 lớp, 420 học viên (05 ngày)
-	Bồi dưỡng cán bộ MTTQ và đoàn thể	586	08 lớp, 560 học viên (05 ngày)
-	Nghiên cứu, học tập thực tế	57	35 học viên (05 ngày)
-	Kinh phí quản lý	81	(Dự tính 5%)
2	**Tập huấn cán bộ xã, thôn, bản và cộng đồng**	**1.644**	
-	UBND huyện Tân Sơn	277	Cán bộ 14 xã và 05 thôn bản
-	UBND huyện Thanh Sơn	212	Cán bộ 09 xã và 10 thôn bản
-	UBND huyện Thanh Thủy	136	Cán bộ 02 xã và 20 thôn bản
-	UBND huyện Yên Lập	306	Cán bộ 12 xã và 18 thôn bản
-	UBND huyện Hạ Hòa	73	Cán bộ 01 xã và 11 thôn bản
-	UBND huyện Cẩm Khê	320	Cán bộ 64 thôn bản
-	UBND huyện Đoan Hùng	210	Cán bộ 05 xã và 24 thôn bản
-	UBND huyện Thanh Ba	45	Cán bộ 09 thôn bản
-	UBND huyện Tam Nông	65	Cán bộ 13 thôn bản
II	**Đào tạo nghề cho thanh niên người dân tộc thiểu số (16 – 25 tuổi)**	**1.706,5**	25 lớp 870 học sinh. Thời gian đào tạo nghề từ 3 đến 4 tháng
1	**Trường cao đẳng nghề**	**431,0**	
-	Nghề may công nghiệp	123,2	70 HS, 02 lớp, 03 tháng/lớp
-	Điện dân dụng	307,8	135 HS, 04 lớp, 04 tháng
2	**Trung tâm dạy nghề Thanh Sơn**	**369,6**	
-	Nghề trồng trọt	184,8	105 HS, 03 lớp, 03 tháng/lớp

-	Chăn nuôi – thú y	184,8	105 HS, 03 lớp, 03 tháng
3	**Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên và dạy nghề Hùng Vương**	**331,1**	
-	Nghề gò hàn	69,3	35 HS, 01 lớp, 04 tháng/lớp
-	Chế biến nông sản thực phẩm	123,2	70 HS, 02 lớp, 03 tháng/lớp
-	Chiết ghép cây ăn quả	138,6	70 HS, 02 lớp, 04 tháng/lớp
4	**Trường Cao đẳng Công nghiệp thực phẩm**	**149,2**	
-	Chế biến nông sản thực phẩm sau thu hoạch	184,8	105 HS, 03 lớp, 03 tháng/lớp
-	Chế biến chè và nông lâm sản	308,0	175 HS, 05 lớp, 03 tháng/lớp
5	**Ban dân tộc tỉnh**	**82,0**	
-	Quản lý, kiểm tra, giám sát đánh giá		

Biểu số 2.5.8.2

DỰ ÁN DUY TU, BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH XÃ ĐBKK NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị chủ đầu tư	Kế hoạch 2009	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**3.811**	
1	Huyện Tân Sơn	785	Trên địa bàn 14 xã và 05 thôn bản
2	Huyện Thanh Sơn	625	Trên địa bàn 09 xã và 10 thôn bản
3	Huyện Thanh Thủy	270	Trên địa bàn 02 xã và 20 thôn bản
4	Huyện Yên Lập	810	Trên địa bàn 12 xã và 18 thôn bản
5	Huyện Hạ Hòa	150	Trên địa bàn 01 xã và 11 thôn bản
6	Huyện Cẩm Khê	540	Trên địa bàn 64 thôn bản
7	Huyện Đoan Hùng	451	Trên địa bàn 05 xã và 24 thôn bản
8	Huyện Thanh Ba	80	Trên địa bàn 09 thôn bản
9	Huyện Tam Nông	100	Trên địa bàn 13 thôn bản

Phụ biểu 2.5.8.3

PHÂN BỔ VỐN KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT (năm 2009)	Hỗ trợ PTSX năm 2009 (triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
	TỔNG SỐ	**190**		**26.100**	**5.220**	
I	**Huyện Thanh Sơn**	**23**		**3.300**	**660**	
1	Xã Sơn Hùng	3		478	96	
		-	Thôn Soi Cả	155	31	
		-	Thôn Bồ Kết	154	31	
		-	Thôn Ngọc Sơn	169	34	
2	Xã Tân Lập	2		310	62	
		-	Thôn Hạ Thành	162	32	
		-	Thôn Chủng	148	30	
3	Xã Võ Miếu	2		317	63	
		-	Thôn Rịa 2	155	31	
		-	Thôn Vắng	162	32	
4	Xã Yên Lãng	3		479	95	
		-	Thôn Gò Đa	155	31	
		-	Thôn Đành	162	32	
		-	Thôn Né	162	32	
5	Xã Văn Miếu	4		612	122	
		-	Thôn Xè 1	155	31	
		-	Thôn Xè 2	162	32	
		-	Thôn Thành Công	155	31	
		-	Thôn Tàm Văn	140	28	
6	Xã Định Qủa	2		310	62	
		-	Thôn Quyết Tiến	155	31	
		-	Thôn Lóng	155	31	
7	Xã Cự Thắng	1	Thôn Xuân Thắng	148	30	
8	Xã Hương Cần	6		646	130	
			Thôn Đồng Sạng	154	31	
			Thôn Cháu	168	34	
			Thôn Hem	0		
			Thôn Lèo	0		
			ThônLịch 2	155	31	
			Thôn Đá Cạn	169	34	
II	**Huyện Tân Sơn**	**7**		**950**	**190**	
1	Xã Minh Đài	2		317	63	
		-	Thôn Đào	155	31	
		-	Thôn Vinh Quang	162	32	
2	Xã Văn Luông	5		633	127	
		-	Thôn Mành	0		
		-	Thôn Láng	169	34	
		-	Thôn Lối	155	31	
		-	Thôn Hoàng Văn	155	31	
		-	Thôn Hoàng Hà	154	31	
III	**Huyện Yên Lập**	**19**		**2.380**	**478**	

STT	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT (năm 2009)	Hỗ trợ PTSX năm 2009 (triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
1	Thị trấn Yên Lập	2		303	61	
		-	Thôn Mít	148	30	
		-	Thôn Mơ	155	31	
2	Xã Nga Hoàng	2		280	56	
		-	Khu 1	140	28	
		-	Khu 2	140	28	
3	Xã Thượng Long	5		610	122	
		-	Thôn Liên Sơn	140	28	
		-	Thôn Dân Chủ	160	32	
		-	Thôn móc	0		
		-	Thôn Ói Lối	155	31	
		-	Thôn Xóm Đình	155	31	
4	Xã Đồng Thịnh	5		597	120	
		-	ThônBằng Lung	155	31	
		-	Thôn Thắng Quê	140	28	
		-	Thôn Đồng Bái	0		
		-	Thôn Tân Lập	154	31	
		-	Thôn Lèn	148	30	
5	Xã Phúc Khánh	5		590	119	
		-	ThônVông I	140	28	
		-	Thôn Vông II	148	30	
		-	Thôn Xóm Hầm	0		
		-	Thôn Xóm Mát	148	30	
		-	Thôn Minh Chung	154	31	
IV	**Huyện Đoan Hùng**	**24**		**3.500**	**700**	
1	Xã Hùng Quan	1	Thôn Đoàn Kết	155	31	
2	Xã Hữu Đô	4		589	118	
		-	Khu 1	140	28	
		-	Khu 10	154	31	
		-	Khu 3	140	28	
		-	Khu 7	155	31	
3	Xã Phương Chung	1	Khu 6	141	28	
4	Xã Yên Kiện	1	Khu 8	140	28	
5	Xã Vân Đồn	3		429	86	
		-	Khu 1	141	28	
		-	Khu 2	148	30	
		-	Khu 6	140	28	
6	Xã Hùng Long	1	Thôn Đồng Ao	140	28	
7	Xã Bắc Doãn	2		303	61	
		-	Khu 2	148	30	
		-	Khu 5	155	31	
8	Xã Phú Thứ	3		422	84	
		-	Khu 1	141	28	
		-	Khu 5	141	28	
		-	Khu 6	140	28	
9	Xã Minh Lương	2		280	56	
		-	Khu 2	140	28	
		-	Khu 6	140	28	
10	Xã Ngọc Quan	2		289	58	
		-	Khu 1	148	30	
		-	Khu 2	141	28	

STT	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT (năm 2009)	Hỗ trợ PTSX năm 2009 (triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
11	Xã Minh Phú	1	Khu 3	155	31	
12	Xã Vụ Quang	3		457	91	
		-	Khu 3	140	28	
		-	Khu 5	155	31	
		-	Khu 8	162	32	
V	**Huyện Thanh Thủy**	**20**		**2.910**	**580**	
1	Xã Tu Vũ	2		315	61	
		-	Khu 1	155	30	
		-	Khu 7	160	31	
2	Xã Trung Nghĩa	1	Khu 1	140	28	
3	Xã Trung Thịnh	1	Khu 3	148	30	
4	Xã Hoàng Xá	4		618	122	
		-	Khu 7	155	31	
		-	Khu 19	155	31	
		-	Khu 20	154	30	
		-	Khu 21	154	30	
5	Xã Sơn Thủy	2		324	65	
		-	Khu 1	155	31	
		-	Khu 7	169	34	
6	Xã Tân Phương	3		436	88	
		-	Khu 4	140	28	
		-	Khu 5	148	30	
		-	Khu 7	148	30	
7	Xã Thạch Đồng	2		295	59	
		-	Khu 1	155	31	
		-	Khu 8	140	28	
8	Xã Đào Xá	5		634	127	
		-	Khu 6	155	31	
		-	Khu 8	169	34	
		-	Khu 15	155	31	
		-	Khu 17	155	31	
		-	Khu 19	0		
VI	**Huyện Hạ Hòa**	**11**		**1.650**	**330**	
1	Xã Lệnh Khanh	2		323	65	
		-	Khu 1	168	34	
		-	Khu 2	155	31	
2	Xã Phụ Khánh	2		280	56	
		-	Khu 1	140	28	
		-	Khu 10	140	28	
3	Xã Xuân Áng	2		310	62	
		-	Khu 4	148	30	
		-	Khu 11	162	32	
4	Xã Văn Lang	1	Khu 9	140	28	
5	Xã Võ Tranh	2		303	61	
		-	Khu 10	148	30	
		-	Khu 11	155	31	
6	Xã Hậu Bổng	1	Khu 8	154	30	
7	Xã Yên Luật	1	Khu 6	140	28	
VII	**Huyện Cẩm Khê**	**64**		**8.510**	**1.700**	
1	Xã Phượng vĩ	6		606	122	
		-	Thôn Mỏ Sẻ	155	31	

STT	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT (năm 2009)	Hỗ trợ PTSX năm 2009 (triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
		-	Thôn Đát	148	30	
		-	Thôn Cây Lụ	148	30	
		-	Thôn Mới	155	31	
		-	Thôn Rừng Măng	0		
		-	Thôn số 6	0		
2	Xã Tiên Lương	6		598	120	
		-	Thôn số3	0		
		-	Thôn số 5	148	30	
		-	Thôn số 6	155	31	
		-	Thôn số 7	140	28	
		-	Thôn số 9	155	31	
		-	Thôn số 10	0		
3	Xã Tam Sơn	5		589	116	
		-	Thôn số 3	155	30	
		-	Thôn số 4	154	30	
		-	Thôn số 5	140	28	
		-	Thôn số 9	140	28	
		-	Thôn số 11	0		
4	Xã Văn Bán	3		465	93	
		-	Thôn số 5	155	31	
		-	Thôn số 6	155	31	
		-	Thôn số 9	155	31	
5	Xã Hương Lung	3		465	93	
		-	Thôn số 8	155	31	
		-	Thôn số 3	155	31	
		-	Thôn số 10	155	31	
6	Xã Tạ Xá	4		676	136	
		-	Thôn Phú An	169	34	
		-	Thôn Hố Leo	169	34	
		-	ThônPhú Cường	169	34	
		-	Thôn số 6	169	34	
7	Xã Tùng Khê	3		464	90	
		-	Thôn số 4	155	30	
		-	Thôn số 5	155	30	
		-	Thôn số 9	154	30	
8	Xã Văn Khúc	5		582	116	
		-	Thôn Liên Tiếp	148	30	
		-	Thôn Rừng Vầu	154	330	
		-	Thôn Gò Khế	140	28	
		-	Thôn Gò Cao	140	28	
		-	Thôn Gò Làng	0		
9	Xã Chương Xá	4		575	114	
		-	Thôn số 6	140	28	
		-	Thôn số 7	155	30	
		-	Thôn số 2	140	28	
		-	Thôn số 4	140	28	
10	Xã Điêu Lương	4		560	112	
		-	Thôn Cửa Ải	140	28	
		-	Thôn Huân Trầm	140	28	
		-	Thôn Tân Phú	140	28	
		-	Thôn Vôi 2	140	28	

STT	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT (năm 2009)	Hỗ trợ PTSX năm 2009 (triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
11	Xã Đồng Lương	3		428	86	
		-	Thôn Bờ Trằm	140	28	
		-	Thôn Đồn Điền	148	30	
		-	Thôn Đá Dải	140	28	
12	Xã Yên Dưỡng	5		583	117	
		-	Thôn số 1	140	28	
		-	Thôn số 7	155	31	
		-	Thôn số 8	148	30	
		-	Thôn số 9	140	28	
		-	Thôn số10	0		
13	Xã Sơn Tình	1	Thôn số 1	140	28	
14	Xã Ngô Xá	2		310	62	
		-	Thôn số 4	155	31	
		-	Thôn số 10	155	31	
15	Xã Sơn Nga	2		288	58	
		-	Thôn Chùa Dương	140	28	
		-	Thôn Quang Trung	148	30	
16	Xã Thụy Liễu	2		296	60	
		-	Thôn số 3	148	30	
		-	Thôn số 5	148	30	
17	Xã Cấp Dẫn	2		280	56	
		-	Thôn Đoàn Kết	140	28	
		-	Thôn Tân Lập	140	28	
18	Xã Phú Khê	1	Thôn Đồng Mời	140	28	
19	Xã Tuy Lộc	2		310	62	
		-	Thôn 1 Thủy Trầm	155	31	
		-	Thôn 2 Thủy Trầm	155	31	
20	Xã Xương Thịnh	1	Thôn Gò Hèo	155	31	
VIII	**Huyện Thanh Ba**	**9**		**1.280**	**258**	
1	Xã Năng Yên	1	Thôn Đồng Kẻo	140	28	
2	Xã Hoàng Cương	1	Thôn Hoàng	148	30	
3	Xã Võ Lao	1	Thôn Cái Mây	140	28	
4	Xã Ninh Dân	1	Thôn Thanh Long	140	28	
5	Xã Khải Xuân	1	Thôn Liên Sơn	140	28	
6	Xã Đồng Xuân	1	Thôn Đen	140	29	
7	Xã Hanh Cù	2		280	56	
		-	Thôn Bãi Cạn	140	28	
		-	Thôn Sông Thao	140	28	
8	Xã Yển Khê	1	Thôn Nhà Trích	152	31	
IX	**Huyện Tam Nông**	**13**		**1.620**	**324**	
1	Xã Thọ Văn	4		563	112	
		-	Khu 6	141	28	
		-	Khu 7	141	28	
		-	Khu 8	141	28	
2	Xã Quang Húc	3	Khu 9	140	28	
		-		458	92	
		-	Khu 1	148	30	
		-	Khu 2	155	31	
3	Xã Tề Lễ	6	Khu 3	155	31	
		-		599	120	
		-	Khu 1	141	28	

STT	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT (năm 2009)	Hỗ trợ PTSX năm 2009 (triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
		-	Khu 2	155	31	
		-	Khu 3	0		
		-	Khu 4	155	31	
		-	Khu 5	148	30	
			Khu 14	0		

Phụ biểu 2.5.9

DỰ ÁN TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG - NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162 /2008/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu / Danh mục	Sản xuất Lâm sinh									Trồng mới cây gỗ lớn và rừng SX, NS tỉnh hỗ trợ		Kinh phí						Ghi chú
		Bảo vệ rừng (ha)	Chăm sóc rừng (HA)			KNTS tự nhiên	KNTS tự nhiên (N2) 30	Trồng mới rừng (ha)					Tổng vốn	Trong đó					
			N2	N3	N4			Tổng số	*Trong đó*					PT LN	Xây dựng hạ tầng	Khuyến lâm	Quản lý bảo vệ	QL DA	
									Rừng P. hộ	Rừng SX	Trồng cây gỗ lớn (ha)	Trồng rừng SX (ha)							
	Tổng số	**33.339**	**500**	**320**	**272**	**1.191**	**297**	**1.200**	**200**	**1.000**	**500**	**2.150**	**9.630**	**7.638**	**770**	**157**	**370**	**650**	
1	Dự án 661 VQG Xuân Sơn	10.548	100	100	140	1.191	200						2.026	1.600	250	10	40	126	
4	Dự án 661 huyện Thanh Sơn	8..308	150	54				250	80	170	100	340	2.129	1.800	136	24	35	134	
5	Dự án 661 huyện Tân Sơn	4.711	150	96	32			220	70	150	100	340	1.840	1.446	234	22	28	110	
2	Dự án 661 huyện Yên Lập	7.009	100	70	100			200	50	150	200	400	1.827	1..512	150	20	34	111	
3	Dự án 661 huyện Hạ Hòa	1..570						100		100	50	200	360	316		8	10	26	
7	Dự án huyện Đoan Hùng	112						70		70		200	175	151		6	6	12	
6	Dự án huyện Cẩm Khê	840						80		80	50	190	211	184		7	6	14	
8	Dự án huyện Thanh Ba	53						50		50		150	122	105		4	4	9	
9	Dự án huyện Tam Nông	153				97		80		80		120	232	205		7	4	16	
10	Dự án huyện Thanh Thủy	10						80		80		90	185	161		7	4	13	
11	Dự án huyện Phù Ninh	25						70		70		120	229	203		6	4	16	
12	Ban chỉ đạo, BQLDA dự án 661 tỉnh												294			36	195	63	

Ghi chú: Năm 2009 giao Sở NN&PTNT chỉ đạo việc cung ứng đủ giống, giống chất lượng thực hiện chương trình 661.

Biểu số 2.5.10

CHƯƠNG TRÌNH PHỦ SÓNG PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH- NĂM 2009

(Kèm theo Nghị quyết số 162 /2008/NQ- HĐND ngày 16 /12/2008 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Kế hoạch 2009	Chủ dự án
	TỔNG SỐ	**7.000**	
1	**Bổ sung có mục tiêu từ NSTW hỗ trợ địa phương**	**6.500**	
a	***Trang thiết bị phát thanh truyền hình***	**3.000**	Đài PTTH tỉnh
-	Thanh toán máy phát sóng truyền hình 10 KW	2.000	
-	Thanh toán khối lượng cải tạo phòng máy	40	
-	Bổ sung trang thiết bị kỹ thuật cho hệ thống lưu trữ, truyền dẫn, phát sóng tự động trên mạng server	800	03 camera kỹ thuật số dùng thẻ
-	Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra, giám sát	160	
b	***Hỗ trợ phát thanh miền núi (Vốn HTMT từ NSTW)***	**3.500**	
-	Thanh toán xe truyền hình màu lưu động	2.200	Đài PTTH tỉnh
-	Hỗ trợ đầu tư phát triển đài phát thanh cấp huyện	1.300	
+	Hỗ trợ Đài PT huyện Tân Sơn	500	UBND huyện Tân Sơn
+	Hỗ trợ Đài PT huyện Yên Lập	400	UBND huyện Yên Lập
+	Hỗ trợ Đài PT huyện Hạ Hòa	400	UBND huyện Hạ Hoà
2	**Chương trình truyền thanh cơ sở (ngân sách tỉnh)**	**500**	
-	Nâng cấp Đài hữu tuyến cơ sở (gồm 27 đài, BQ 11,85 triệu đồng/đài) (1)	320	Đài PTTH tỉnh
-	Nâng cấp từ đài truyền Thanh hữu tuyến cơ sở lên đài Fm	180	

Ghi chú: (1) Đài TT cơ sở Hùng Đô, Hùng Đà (Tam Nông); Xuân Thủy, Thạch Đồng (Thanh Thủy); Trạm Thản (Phù Ninh); Hợp Hải (Lâm Thao); Quế Lâm, Phương Chung (Đoan Hùng); Phú Lạc, Đồng Lương (Cẩm Khê); Phường Âu Cơ, xã Phú Hộ (Thị xã Phú Thọ); Thanh Xá, Trí Tiên, Thanh Hà (Thanh Ba); Gia Điền, Động Lâm, Vĩnh Chân (Hạ Hòa); Minh Phương, Tân Đức (Việt Trì); Thục Luyện, Tất Thắng (Thanh Sơn); Tân Phú, Văn Luông, Vinh Tiền (Tân Sơn); Thị trấn Yên Lập, Xuân Thủy (Yên Lập)

(2) Đài gồm: Đài TT cơ sở xã Đoan Hạ (Thanh Thủy); Liên Hoa (Phù Ninh); Xuân Lũng (Lâm Thao); Yên kiện (Đoan Hùng); Thái Ninh (Thanh Ba); Minh Nông (Việt Trì)